

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Số: 46/2015/CV-DAG
(V/v: CBTT Báo cáo thường
niên năm 2014)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

Công ty: Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

Mã chứng khoán: DAG

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 1 CN5 cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội

Điện thoại: 04 3793 8686

Fax: 04 3793 8181

Người thực hiện công bố thông tin: **Phạm Duy Cường**

Địa chỉ văn phòng: Tầng 9, tháp Tây, tòa nhà Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0904 685 368/ 04 3793 8686

Fax: 04 3793 8181

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

- Báo cáo thường niên năm 2014

Thông tin này đã được công bố trên website của công ty: <http://www.dag.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nội dung thông tin cần công bố và các tài liệu có liên quan

Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Bá Hùng

MỤC LỤC

THÔNG ĐIẾP 2014	1
I. THÔNG ĐIẾP CỦA CHỦ TỊCH.....	1
II. NHỮNG THÀNH TỰU DAG ĐẠT ĐƯỢC.....	2
III. MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2010-2014.....	9
TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY	10
I. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY	10
II. CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	12
III. SỐ LƯỢNG CBNV VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	17
IV. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	20
V. LĨNH VỰC KINH DOANH.....	23
VI. CÁC DÒNG SẢN PHẨM CHÍNH CỦA CÔNG TY	23
VII. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, TRIẾT LÝ KINH DOANH.....	28
BÁO CÁO	29
HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT	29
I. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ. BAN KIỂM SOÁT.....	29
II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT	29
III. THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BKS CÔNG TY	30
IV. ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2014	31
BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH	32
I. TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2014 VÀ DỰ BÁO NĂM 2015.....	32
II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015.....	34
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	37

THÔNGIỆP 2014

I. Thông điệp của Chủ tịch

Kính thưa quý vị Cổ đông và các khách hàng thân thiết của DAG.

Sau 14 năm hình thành và phát triển, Tập đoàn Nhựa Đông Á đã sở hữu thương hiệu DAG nổi tiếng, gia nhập nhóm doanh nghiệp nghìn tỷ. DAG hiện có 3 công ty thành viên và 3 nhà máy hiện đại, với tổng diện tích nhà xưởng sản xuất hơn 10ha, hơn 500 cán bộ công nhân viên, bước đầu thành công trong việc sản xuất và kinh doanh các mặt hàng vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất như : Tấm ốp trần, cửa nhựa, cửa uPVC có lõi thép gia cường, cửa nhôm, bạt Hi-Flex; tấm PP, mica...

Với mạng lưới 61 Đại lý cấp 1 và hàng trăm cửa hàng rộng khắp Toàn quốc, sản xuất và kinh doanh gần 100 mã sản phẩm. Sản phẩm của DAG đã chinh phục người tiêu dùng Việt Nam và đã tiến tới có mặt tại các thị trường các nước trong khu vực.

Có được kết quả ngày hôm nay, DAG vô cùng biết ơn sự quan tâm của Các ban ngành trung ương và địa phương, Các quý vị cổ đông, các nhà đầu tư, nhà phân phối, đại lý và các đối tác chiến lược trong và ngoài nước, đã cùng DAG đồng hành, chung một con đường, chung một tương lai, trong suốt 14 năm qua.

Thành công hôm nay của DAG, là quyết tâm cống hiến hết mình, làm việc đến cùng của nhiều thế hệ cán bộ nhân viên và bước đầu đã hình thành một DAG phát triển tại Việt Nam đang từng bước khẳng định tên tuổi tại thị trường quốc tế.

Trong giai đoạn phát triển tiếp theo DAG đặt mục tiêu:

Thứ nhất: DAG trở thành Tập đoàn có doanh thu trên 3 nghìn tỷ đồng vào năm 2020 và tham vọng sẽ tích lũy để đủ khả năng đầu tư vươn ra thị trường quốc tế.

Thứ hai: DAG sẽ luôn kiên trì theo đuổi các giá trị cốt lõi xây dựng

Lấy khoa học kỹ thuật làm nền tảng,

Lấy quản lý để mưu cầu hiệu quả,

Lấy chất lượng để mưu cầu sinh tồn,

Lấy uy tín để mưu cầu phát triển .

Thứ ba: DAG phấn đấu duy trì tỷ lệ tăng trưởng doanh thu lợi nhuận bình quân hàng năm 30%, thu nhập của người lao động không ngừng được cải thiện, văn hóa doanh nghiệp ngày càng được bồi đắp giá trị doanh nghiệp ngày càng được nâng cao.

Thứ tư: Quá trình phát triển DAG sẽ luôn khẳng định niềm tin về việc một doanh nghiệp vừa và nhỏ luôn kề vai sát cánh cùng đối tác, quý khách hàng, có khát vọng vươn xa, có chiến lược đúng đắn thì hoàn toàn có thể tăng trưởng nhanh, bền vững để trở thành một doanh nghiệp lớn.

Thời cơ luôn đến với DAG và tất cả các Quý vị, Chúng ta tiếp tục đồng hành và sát cánh hơn nữa, để xây dựng sự nghiệp cùng DAG ngày càng thành công hơn.

Một lần nữa, cho phép tôi thay mặt DAG, xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Quý vị cổ đông, toàn thể cán bộ công nhân viên, các đối tác chiến lược, các nhà cung cấp trong nước và quốc tế, các nhà phân phối, các đại lý và toàn thể khách hàng đã tạo mọi điều kiện để cùng DAG phát triển.

II. Những thành tựu DAG đạt được

- ❖ Huân chương lao động Hạng Ba
- ❖ Bằng khen Thủ tướng chính phủ, tặng cho ông Nguyễn Bá Hùng - Chủ tịch Tập đoàn Nhựa Đông Á.
- ❖ Cờ thi đua của UBND Thành phố Hà Nội
- ❖ Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội tặng cho Tập đoàn Nhựa Đông Á và Chủ tịch Nguyễn Bá Hùng
- ❖ Thương hiệu mạnh Việt Nam;
- ❖ Chứng nhận Hàng Việt Nam Chất Lượng cao
- ❖ Top 100 doanh nghiệp trẻ tiêu biểu Việt Nam
- ❖ Doanh nhân tiêu biểu khối doanh nghiệp địa phương
- ❖ Chứng nhận sản phẩm chủ lực của thành phố Hà Nội
- ❖ Thương hiệu Kinh tế đối ngoại uy tín
- ❖ Bằng khen của Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế
- ❖ Cúp vàng Quốc tế hàng Công nghiệp Việt Nam
- ❖ Cúp vàng của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- ❖ Cúp vàng Thương hiệu mạnh Tại Hội chợ triển lãm Quốc tế Xây dựng Vietbuild
- ❖ Cúp vàng Vtopbuild cho sản phẩm tấm ốp nhôm DAG Alu
- ❖ Huy chương vàng cho sản phẩm Mica và PP
- ❖ Chứng nhận " Gian hàng đẹp, quy mô, ấn tượng" do BTC triển lãm Quốc tế Vietbuild Thành phố Hồ Chí Minh tháng 9/2012 trao tặng.
- ❖ Bằng khen của Sở Công nghiệp, Hiệp hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam, UBND Thành phố Hà Nội, Giải thưởng liên hiệp thanh niên Việt Nam;



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG Ba

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Thành phố Hà Nội

*Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2009 đến năm 2013,
góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc*

Quyết định số: 1882/QĐ-CTN ngày 05 tháng 08 năm 2014
Vào sổ số vàng số: 12

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2014

CHỦ TỊCH

Trương Tấn Sang



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỦ TƯỚNG
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG

BẰNG KHEN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Thành phố Hà Nội

*Đã có nhiều thành tích trong công tác từ năm 2008 đến năm 2010,
góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.*

Quyết định số: 772/QĐ/TTg ngày 24 tháng 05 năm 2011
Bảng số: 1

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2011

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỦ TƯỚNG
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG

BẰNG KHEN

Ông **NGUYỄN BÁ HÙNG**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á, thành phố Hà Nội

*Đã có thành tích trong công tác từ năm 2006 đến năm 2010,
góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.*

Quyết định số: 1823 QĐ/TTg ngày 20 tháng 10 năm 2011

Bằng số: 25

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2011

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

TẶNG

BẰNG KHEN

Ông Nguyễn Bá Hùng

Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần tập đoàn nhựa Đông Á

LÀ DOANH NHÂN TIÊU BIỂU KHỐI DOANH NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2013

CHỦ TỊCH



TS. Vũ Tiến Lộc

Theo Quyết định số: 2517 /PTM - TĐKT
Đã ghi vào sổ số: 0581





Certificate

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
DAG**

**Thương Hiệu Mạnh Việt Nam 2014
Vietnam Excellent Brand 2014**

*Được Ban biên tập, độc giả Thời báo Kinh tế Việt Nam tin nhiệm và lựa chọn
Honored and recognized by The Vietnam Economic Times' Editorial Board and readers*



Tổng Biên Tập/Editor in Chief



Ha noi, 21/3/2015

Prof. Dao Nguyen Cat

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC



HỘI DOANH NGHIỆP HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

CHỨNG NHẬN

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

ĐẠT DANH HIỆU
HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO 2015
DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

NGÀNH HÀNG
NGÀNH NHỰA CÔNG NGHIỆP

TP.HCM, ngày 05 tháng 02 năm 2015

TM. BAN CHẤP HÀNH HỘI DN HVNCLC
CHỦ TỊCH



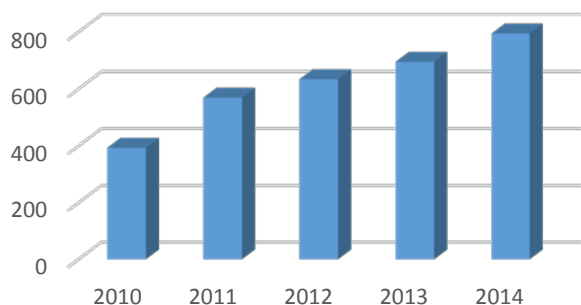
Kim Hanh
VŨ KIM HẠNH

SỐ: 187/2015-GCN-HVNCLC

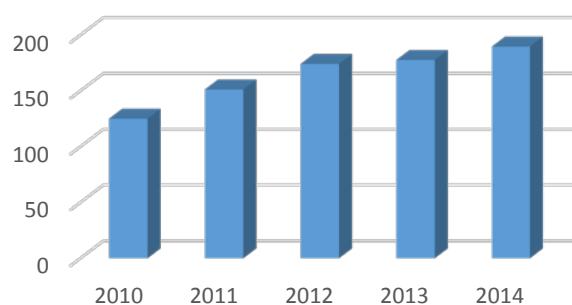
III. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2010-2014

Chỉ tiêu tài chính Hợp nhất	2010	2011	2012	2013	2014	Tăng trưởng bình quân giai đoạn
Tổng tài sản (tỷ đồng)	393,2	569,4	634,1	695,1	794,5	120%
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	125	151,1	174	177,6	189,6	111%
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	331,1	603,6	895,2	1003,5	1109,4	138%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	22,1	18,6	27,8	30,5	32,8	113%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	20,1	14,5	23,8	26,8	29,7	115%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	16,08%	9,60%	13,68%	15,09%	15,66%	104%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,04%	0,02%	0,02%	0,02%	0,02%	90%

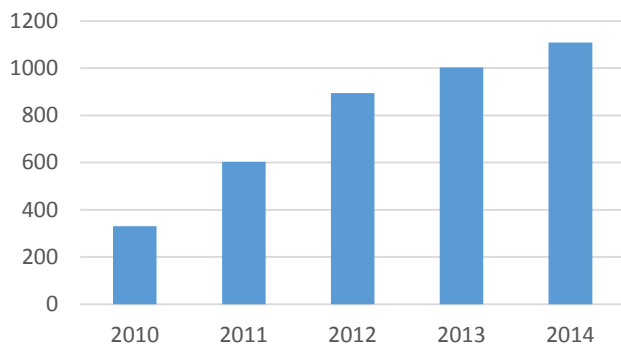
Tổng tài sản



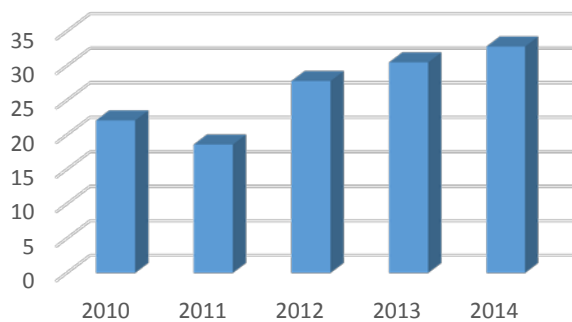
Vốn chủ sở hữu



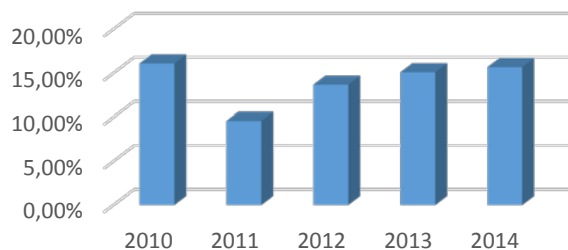
Tổng doanh thu



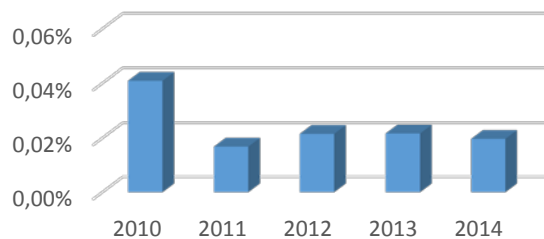
Lợi nhuận trước thuế



Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)



Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)

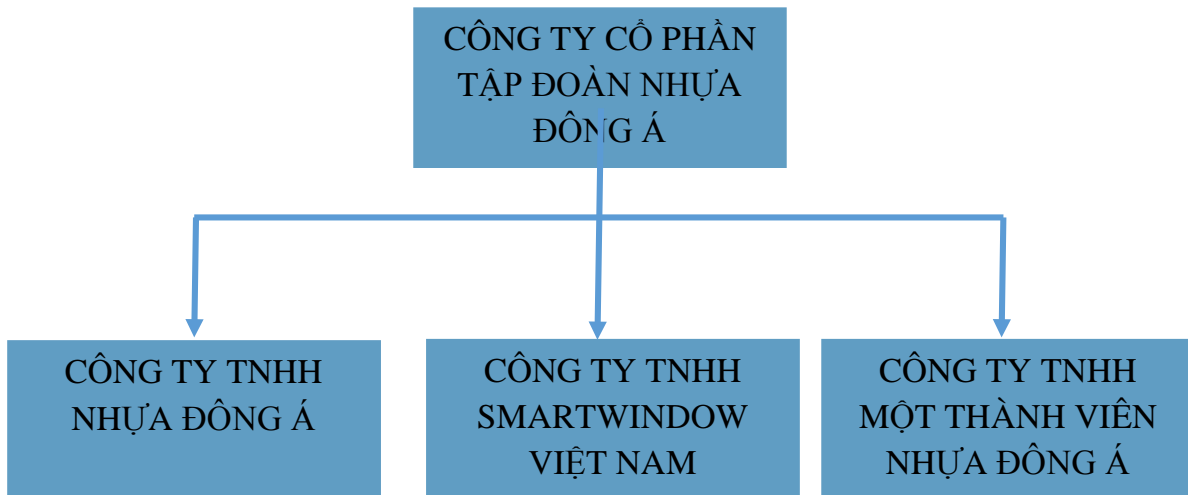


TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

I. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con. Trong đó công ty mẹ quản lý vốn góp tại các Công ty con, công ty liên kết. Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

Cơ cấu tổ chức hệ thống Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á



❖ Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

Địa chỉ: Tầng 9, Tháp Tây- Tòa nhà Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội.

Chức năng nhiệm vụ: Thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là chủ sở hữu trong mối quan hệ với công ty thành viên theo quy định tương ứng của pháp luật có liên quan. Quản lý vốn góp và hoạt động tại các Công ty con. Lựa chọn và quyết định lĩnh vực, hình thức đầu tư và kinh doanh vốn theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm hiệu quả, khả năng sinh lời và phù hợp với quy định của pháp luật. Xây dựng, duy trì và kiểm soát các hoạt động chung của tập đoàn. Nhập khẩu và phân phối các sản phẩm vật liệu trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất, quảng cáo.

❖ **Công ty TNHH Nhựa Đông Á**

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Hà Nam
Chức năng nhiệm vụ: Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp phục vụ trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất, quảng cáo như: hạt nhựa, cửa nhựa, tấm trần ốp, tấm trần thả, thanh Profile, bạt Hi-Flex, tấm PP Công nghiệp, tấm mica, tấm nhôm composite, nẹp trang trí...

Tỷ lệ vốn góp công ty mẹ: 100%

❖ **Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam**

Địa chỉ: Khu CN Ngọc Hồi Thanh Trì, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội
Chức năng nhiệm vụ: Sản xuất cửa nhựa uPVC có lõi thép gia cường hiệu; cửa hợp kim nhôm - vách kính dựng nhãn hiệu Smartwindow, Smartdoor và là nhà kho liên hoàn kinh doanh hàng sản xuất của Nhựa Đông Á Hà Nam và hàng nhập khẩu.

Tỷ lệ vốn góp công ty mẹ: 100%

❖ **Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á**

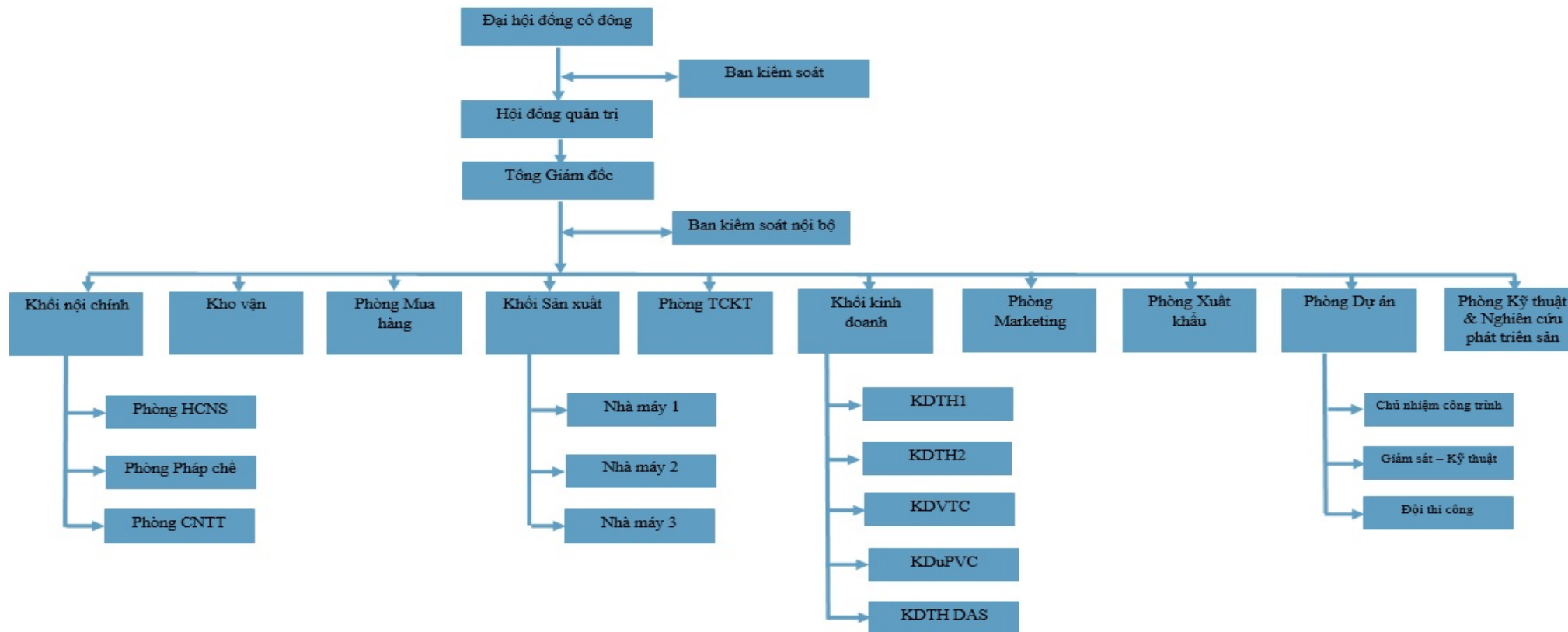
Địa chỉ: Khu công nghiệp Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh
Chức năng nhiệm vụ: Sản xuất kinh doanh, các sản phẩm vật liệu trong xây dựng và quảng cáo.

Tỷ lệ vốn góp công ty mẹ: 100%

II. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được cơ cấu và tổ chức bộ máy hoạt động, quản lý như dưới đây:

Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty cổ phần tập đoàn Nhựa Đông Á



1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có thẩm quyền quyết định các vấn đề:

- Thông qua định hướng phát triển Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần;
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm giám đốc điều hành;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty;
- Các thẩm quyền khác theo Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 5 thành viên, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị là 5 năm, thành viên Hội đồng quản trị được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức chi trả cổ tức;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 5 năm.

4. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược và kế hoạch và các nghị quyết, quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua, tuân thủ các quy định của pháp luật. Tổng Giám đốc có nhiệm kỳ là 3 năm. Hiện tại, bộ máy hoạt động của Công ty được tổ chức gọn nhẹ và hoạt động hiệu quả. Công ty có một Tổng Giám đốc Điều hành và các phòng ban sau đây:

5. Ban Kiểm soát nội bộ

- Kiểm toán nội bộ
- Kiểm toán toàn bộ các hoạt động của các bộ phận phòng ban, các đơn vị trực thuộc trong Công ty tuân thủ theo các Quy Chế, quy định hoạt động nội bộ và theo các quy định của Pháp luật;
- Giám sát, đánh giá tính tuân thủ theo hệ thống của toàn bộ Công ty.
- Đại diện lãnh đạo
- Đảm bảo việc thiết lập, thực hiện, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của Công ty;
- Xây dựng và giám sát việc thực hiện các mục tiêu chất lượng của Công ty;
- Tổ chức đánh giá chất lượng nội bộ quản lý chất lượng của Công ty;
- Giúp Ban Tổng Giám đốc điều phối các hoạt động quản lý chất lượng với các tổ chức bên ngoài và các bộ phận trong Công ty. Xem xét và xử lý những vấn đề không phù hợp theo yêu cầu của hệ thống Quản lý chất lượng;
- Báo cáo cho Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng và các yêu cầu về cải tiến;
- Thúc đẩy toàn bộ Công ty nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 và việc đáp ứng các yêu cầu của Khách hàng

6. Khối Nội chính

a. Phòng Hành Chính – Nhân sự:

Chịu trách nhiệm hoạch định và tổ chức thực hiện các hoạt động về công tác tổ chức cán bộ, nhân sự, tiền lương, thi đua khen thưởng, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động; Công tác quản trị hành chính của Công ty. Tổ chức, xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp của toàn Tập đoàn.

b. Phòng Pháp chế

Tổ chức cập nhật, lưu trữ và cung cấp các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của toàn Tập đoàn cho các Phòng/Ban, Công ty thành viên; Định kỳ đề xuất tổ chức tuyên truyền các quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn theo chỉ đạo chung; Hỗ trợ về mặt pháp lý cho các phòng ban khi có yêu cầu theo quy định, trong quá trình thực hiện các quy định và pháp luật của Tập đoàn; Đại

diện theo ủy quyền tiến hành làm việc với các cơ quan có thẩm quyền về mọi hoạt động pháp lý của Tập đoàn;

c. **Phòng Công nghệ thông tin**

Tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc triển khai sử dụng các máy móc, phần mềm trong lĩnh vực tin học. Phụ trách và kiểm soát hệ thống tin học trong toàn Tập đoàn nhằm đảm bảo tính thông suốt, liên tục và ổn định để phục vụ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Thu thập, xử lý và lưu trữ thông tin, dữ liệu; Triển khai và thực hiện các cơ chế bảo mật hệ thống công nghệ thông tin để đảm bảo tính an toàn và bí mật kinh doanh của Công ty.

7. Khối Kho vận

Quản lý và bảo quản các kho hàng, bảo quản và quản lý hàng hóa và phương tiện vận chuyển. Thực hiện việc xuất nhập hàng hóa, vật tư nguyên liệu, thiết bị phụ tùng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh và lệnh sản xuất. Kiểm soát và thực hiện việc vận chuyển giao hàng hóa cho khách hàng theo yêu cầu tiêu thụ và giao hàng của các đơn vị bán hàng tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008

8. Phòng Mua hàng

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về kế hoạch nhập nguyên vật liệu đầu vào, đảm bảo cung ứng kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Trực tiếp triển khai kế hoạch cung ứng vật tư nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất và cung ứng hàng hóa phục vụ kinh doanh;
- Điều phối nguyên vật liệu, hàng hóa giữa các công ty con;
- Thống kê và phân tích sự biến động giá nguyên vật liệu hàng tháng, quý, năm cũng như các yếu tố có thể ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu đầu vào như nhu cầu nguyên vật liệu trên thế giới, giá xăng dầu, các vấn đề chính trị... để đưa ra những dự báo về tình hình biến động của giá nguyên vật liệu trong tương lai gần; kết hợp với thu thập thông tin hoạt động ngành ở phạm vi trong nước, khu vực và thế giới để có những kế hoạch sản xuất phù hợp kịp thời đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty.

9. Khối sản xuất

Tổ chức, lập kế hoạch và triển khai thực hiện sản xuất các sản phẩm của công ty đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Kiểm soát, quản lý, đảm bảo chất lượng của hệ thống sản xuất và sản phẩm. Quản lý nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm. Quản lý máy móc, trang thiết bị sản xuất, bảo trì, bảo dưỡng; cải tiến kỹ thuật máy móc, thiết bị.

10. Phòng Tài chính-Kế toán

- Quản lý và tổ chức thực hiện hệ thống tài chính, kế toán tại Công ty theo Luật kế toán và các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, kế toán.
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của Công ty
- Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của Pháp luật

- Lập báo cáo hợp nhất từ các công ty con và tư vấn các chính sách về cơ cấu vốn, chính sách đầu tư, chính sách nguồn vốn cho Tổng Giám đốc Tập đoàn;
- Xây dựng hệ thống lập ngân sách tài chính và dự báo tài chính cho tập đoàn trong từng giai đoạn phát triển;
- Tư vấn cho Hội đồng quản trị về chính sách cổ đông, cổ tức;
- Điều hòa các kế hoạch về yêu cầu tài chính với vị trí Tập đoàn trên thị trường tín dụng và cơ cấu vốn của Tập đoàn;

11. Khối Kinh doanh

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về hoạt động kinh doanh bán hàng. Lập kế hoạch kinh doanh tiêu thụ hàng năm của toàn Công ty cho từng dòng sản phẩm. Thực hiện kế hoạch tiêu thụ hàng tháng, kiểm soát việc đặt hàng, thực hiện kiểm soát quá trình bán hàng và đáp ứng yêu cầu khách hàng thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008.
- Đối với phòng kinh doanh tổng hợp 1 (sản phẩm truyền thống) : Có trách nhiệm quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa trong ngành xây dựng và trang trí bao gồm: Hạt nhựa, Tấm ốp trần, trần thả, tấm nhôm composit, nẹp trang trí...
- Đối với phòng kinh doanh sản phẩm tổng hợp 2 (sản phẩm mới): Có trách nhiệm quản lý và kinh doanh các sản phẩm trong ngành trang trí nội ngoại thất và quảng cáo; Bạt Hiflex, tấm mica (PS), tấm PP và các sản phẩm được nhập khẩu từ Đài Loan, Trung Quốc bao gồm: Đè can, simili, giấy dán kính, fomex...
- Đối với phòng kinh doanh vật tư ngành cửa uPVC có lõi thép gia cường ; Profile uPVC, gioăng, kim khí phụ kiện, lõi thép, vật tư phụ....
- Đối với phòng kinh doanh sản phẩm Smartwindow: Có trách nhiệm quản lý và kinh doanh các sản phẩm trong ngành xây dựng bao gồm: cửa uPVC có lõi thép gia cường, cửa hợp kim nhôm vách kính dựng....
- Đối với kinh doanh tại thành phố Hồ Chí Minh: kinh doanh các mặt hàng do DAG sản xuất và nhập khẩu phân phối các sản phẩm vật liệu quảng cáo.

12. Phòng Marketing

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong lĩnh vực tiếp thị sản phẩm và phát triển thị trường;
- Duy trì và phát triển hình ảnh thương hiệu trên thị trường;
- Phân tích đánh giá hiện trạng, triển vọng quan hệ cung cầu sản phẩm trên thị trường, xu thế giá cả trong và ngoài nước;
- Điều tra nghiên cứu thị trường, thu thập thông tin thị hiếu khách hàng và tìm hiểu các đối thủ cạnh tranh, từ đó tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về công tác xây dựng và phát triển thương hiệu cũng như phát triển thị trường.

13. Phòng xuất khẩu:

Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về hoạt động xuất nhập khẩu. Lập kế hoạch xuất khẩu hàng năm của Công ty, thị trường xuất khẩu, thông lệ Quốc tế, lập kế hoạch nhập khẩu các máy móc, thiết bị theo kế hoạch của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu, kiểm soát quá trình giao hàng và đáp ứng yêu cầu khách hàng tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008. Quản lý và lưu trữ các hồ sơ nhập khẩu liên quan.

14. Phòng dự án

Quản lý, tổ chức, triển khai thực hiện, thi công và giám sát các dự án của khách hàng và đối tác mà công ty làm nhà thầu. Quản lý vật tư, hàng hóa tại công trình. Đảm bảo an toàn lao động tại công trình. Công tác quản lý chất lượng công trình, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Chủ trì và phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện và hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, hoàn công, thanh quyết toán công trình theo đúng quy định.

15. Phòng kỹ thuật và nghiên cứu sản phẩm mới

- Quản lý kỹ thuật, công nghệ toàn Công ty, theo dõi, kiểm tra hoạt động sản xuất, nghiên cứu các giải pháp hợp lý hóa sản xuất, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về thiết bị, công nghệ ở các nhà máy, nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới, các dự án đầu tư, cố vấn cho khách hàng các vấn đề về kỹ thuật, lập các hồ sơ kỹ thuật cho từng sản phẩm được đặt hàng, thực hiện kiểm soát quá trình kiểm nghiệm, thử nghiệm, quá trình sản xuất và sửa chữa bảo trì máy móc thiết bị thông qua hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000.
- Nghiên cứu và thiết kế các mẫu mã sản phẩm mới, mẫu mã bao gói sản phẩm toàn Công ty, nghiên cứu và quản lý các mẫu markette đã và đang được trình duyệt. Tham mưu và kiểm soát tính pháp lý của các mẫu mã, nhãn hiệu hàng hóa.

III. Số lượng CBNV và chính sách đối với người lao động

1. Số lượng Cán bộ - Công nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2013, DAG có tổng cộng 490 CB-CNV. Trong đó tỷ lệ CB-CNV tốt nghiệp Đại học, trên Đại học đạt 30% và tỷ lệ lao động có trình độ tay nghề bậc 4/7 đạt 60% tổng số lao động phổ thông tại các KCN. Dự kiến, năm 2014, DAG tăng trưởng thêm 5% số lượng CBNV bổ sung cho tất cả các lĩnh vực của toàn tập đoàn,

2. Chính sách, chế độ đối với người lao động

Một trong những trọng tâm phát triển của DAG là thu hút, đào tạo và tạo sự gắn kết lâu dài của CB-CNV với Công ty. Trên cơ sở đó, DAG thực hiện những chính sách đào tạo và các chế độ khen thưởng, phụ cấp ... dựa trên mô tả công việc, chú trọng áp dụng các kiến thức, kinh nghiệm, thực hành thực tế phối hợp với hệ thống phân loại, hệ thống đánh giá CB-CNV một cách đồng bộ và bài bản.

Tổ chức thăm dò tín nhiệm đội ngũ kế thừa các cấp để tạo nguồn nhân sự kế thừa một cách kịp thời.

3. Chính sách đào tạo

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một trong các công tác nhân sự hàng đầu của DAG. Chính sách đào tạo của DAG có mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp, thành thạo về nghiệp vụ trong sản xuất – kinh doanh, giữ gìn đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp.

Mỗi cá nhân CB-CNV làm việc tại DAG đều có cơ hội tiếp cận với các khóa đào tạo về tay nghề và bồi dưỡng kiến thức theo quy định của Công ty. Ngoài ra, trong từng thời kỳ, DAG đều cử chức và đài thọ chi phí cho các khóa đào tạo ngắn/dài hạn hướng tới nâng cao năng lực và đào tạo chuẩn hóa đội ngũ đáp ứng thời kỳ đổi mới và phát triển.

4. Công tác thi đua, sáng kiến cải tiến

+ Công tác thi đua hoàn thành nhiệm vụ được tổ chức thành 3 đợt trong năm. Thi đua giữa cá nhân với cá nhân, giữa các tổ đội sản xuất, giữa các bộ phận với nhau nhằm hoàn thành trước kế hoạch được giao

+ Thường xuyên tổ chức những thi đua đưa ra các sáng kiến cải tiến tiết kiệm chi phí, tiết kiệm sức lao động dù là nhỏ nhất, và có những động viên khích lệ kịp thời.

+ Trong năm, Tập đoàn còn tổ chức cuộc thi tìm hiểu về thương hiệu DAG, về các thương hiệu sản phẩm nhằm gắn kết người lao động với công ty.

5. Công tác đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất

Trong năm DAG đã đưa chuẩn chương trình bảo đảm an toàn sản xuất áp dụng đồng bộ cho 3 nhà máy

+ Tổ chức huấn luyện cho hơn 380 người về công tác an toàn vệ sinh lao động trong sản xuất

+ Huấn luyện và đào tạo về công tác sơ cứu, cấp cứu

+ Huấn luyện công tác phòng cháy chữa cháy.

+ Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, các trang thiết bị bảo hộ cho người lao động tại các nhà máy.

6. Chính sách lương, thưởng

Duy trì ổn định mức thu nhập và công việc làm đối với gần 500 CBCNV trong năm qua là mục tiêu quan trọng của DAG. Ngoài ra, DAG đảm bảo chế độ khen thưởng cho CBCNV theo quy định của Luật lao động và tổ chức nhiều phong trào phát động thi đua trong toàn hệ thống. Hàng năm, DAG đều đặn tổ chức sơ kết, tổng kết thi đua nhằm khen thưởng kịp thời CBCNV có thành tích xuất sắc

7. Phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp

Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi của Nhà nước, DAG còn có chương trình thưởng định kỳ vào các dịp lễ (Tết nguyên đán, 30/4, 08/03, 20/10 ...), bảo hiểm thân thể 100% cho đội ngũ lắp đặt, tổ chức bếp ăn tập thể tại các nhà máy sản xuất và bảo hộ lao động cho hệ thống công nhân sản xuất.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể công nhân viên, đặc biệt là cán bộ nữ.
Song song đó, DAG định kỳ đều tổ chức và duy trì các hoạt động mang tính chất văn hóa doanh nghiệp như: tổ chức giao lưu văn nghệ, tham quan, nghỉ mát, tổ chức các hoạt động hè cho con em CBCNV ... nhằm gắn kết các cá nhân trong hệ thống và đáp ứng đời sống tinh thần cho CBCNV.

IV. Cơ cấu cổ đông

1. Tỷ lệ cổ đông sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	7.925.500	57,64	3	1	2
	- Trong nước	7.925.500	57,64	3	1	2
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	9.282.350	67,51	3	2	1
	- Trong nước	9.282.350	67,51	3	2	1
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác	4.449.500	32,36	349	17	330
	- Trong nước	3.818.520	27,77	341	15	324
	- Nước ngoài	630.980	4,59	8	2	6
TỔNG CỘNG		13.750.000	100	351	19	332
Trong đó: - Trong nước		13.119.020	95,41	343	17	326
- Nước ngoài		630.980	4,59	8	2	6

2. Loại hình sở hữu

Đối tượng	Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. Cổ đông đặc biệt	8.563.500	62,28
1. Hội đồng quản trị	8.563.500	62,28
2. Ban Giám đốc	4.407.425	32,05
3. Ban kiểm soát	0	0
4. Giám đốc tài chính	0	0
5. Kế toán trưởng/ Giám đốc tài chính	0	0
6. Người được ủy quyền CBTT	0	0
II. Cổ phiếu quỹ	0	0
III. Công đoàn Công ty	0	0
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)		
V. Cổ đông khác		
1. Trong nước	5.102.520	37,13
1.1 Cá nhân	3.726.244	27,12
1.2 Tổ chức	1.376.276	10,02
- Trong đó Nhà nước:	0	
2. Nước ngoài	80.980	0,59
2.1 Cá nhân	78.980	0,57
2.2 Tổ chức	2.000	0,01
TỔNG CỘNG:	13.747.000	100

3. Cổ đông đặc biệt:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
A. Cổ đông nhà nước					0	0
B. Cổ đông lớn						
1	Nguyễn Bá Hùng	011660284	13/09/2006	41 Hàng Nón, Hoàn Kiếm, Hà Nội	4.407.425	32,05
2	Công ty TNHH TMDV Hùng Phát	0102001552	29/11/2000	41 Hàng Nón, Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.499.925	25,45
3	Công ty TNHH TM&SX Tam Sơn	104663851	10/06/2010	Số 97 Chương Dương Độ, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.375.000	10
Tổng Cộng B					9.282.350	68,51
C. Cổ đông chiến lược						
1	Japan South East Asia Growth Fund L.P	CA5980	06/11/2012	C/o Maples Corporate Services Limited PO BOX 309, Uglanđ House, Grand Cayman Islands KY1-1104	550.000	4
Tổng Cộng C					550.000	4
D. Cổ đông sáng lập						
1	Nguyễn Bá Hùng	011660284	13/09/2006	41 Hàng Nón, Hoàn Kiếm, Hà Nội	4.407.425	32,05
2	Nguyễn Thị Tính	010418699	18/09/2006	175 Bạch Đằng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	18.150	0,13
3	Công ty TNHH TMDV Hùng Phát	0102001552	29/11/2000	41 Hàng Nón, Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.499.925	25,45
Tổng Cộng D					7.925.500	57,64
Tổng Cộng (A+B+C+D)					9.850.500	71,64

V. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á hoạt động kinh doanh chủ yếu trên lĩnh vực sản xuất các sản phẩm, vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất bằng nhựa:

- ❖ Sản xuất các sản phẩm, vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;
- ❖ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi;
- ❖ Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- ❖ Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá;
- ❖ Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- ❖ Kinh doanh bất động sản, nhà ở;
- ❖ Dịch vụ vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- ❖ Kinh doanh phương tiện vận tải, thiết bị máy móc, phương tiện vận tải;
- ❖ Gia công cơ khí & Đầu tư xây dựng nhà ở;

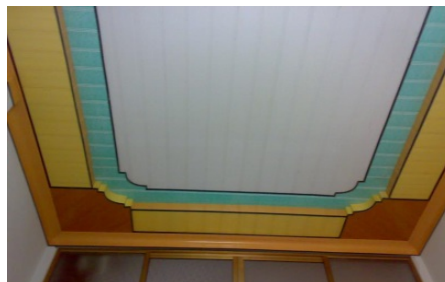
VI. Các dòng sản phẩm chính của công ty

Sản phẩm chính của Công ty Nhựa Đông Á chủ yếu là các sản phẩm nhựa PVC, PE, PP, PS...với hơn 100 loại sản phẩm các loại được chia thành 8 nhóm sản phẩm chính:

- ❖ Hạt nhựa PVC, Tấm ốp trần, Nẹp trang trí..
- ❖ Smartwidow, Smartdoor: Cửa uPVC có lõi thép gia cường, Cửa nhôm vách kính dựng.
- ❖ Thanh Profile uPVC
- ❖ Bạt Hiflex.
- ❖ Tấm nhôm composite.
- ❖ Tấm PP công nghiệp
- ❖ Tấm mica PS và sản phẩm thương mại.

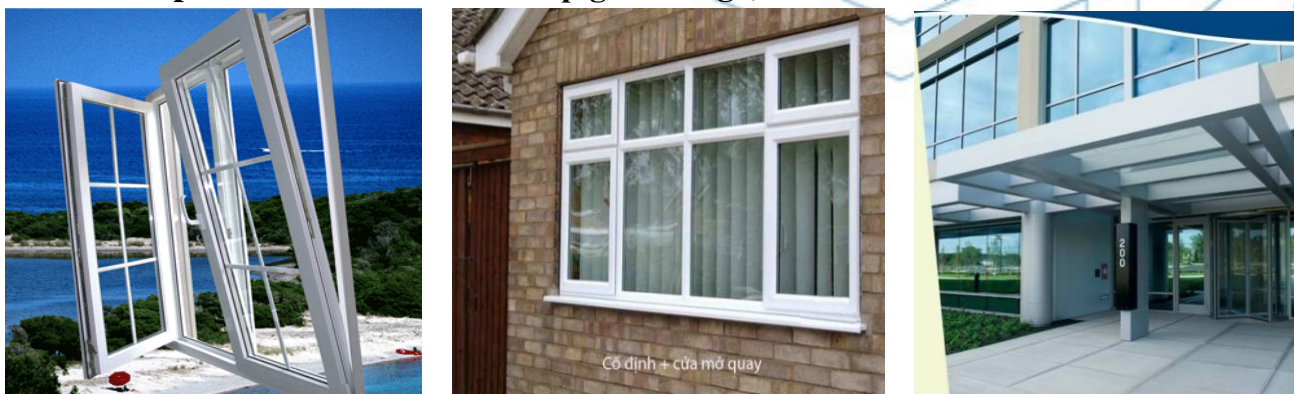
Chi tiết về từng nhóm sản phẩm như sau:

- ❖ **Sản phẩm truyền thống:** Tấm ốp trần, cửa nhựa và nẹp trang trí...



Nhóm sản phẩm tấm ốp trần, cửa nhựa, nẹp trang trí phục vụ trong các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp hiện nay là sản phẩm truyền thống của Công ty từ những ngày đầu hoạt động. Các loại sản phẩm này đa dạng và phong phú về chủng loại, bao gồm: tấm ốp trần sản xuất theo công nghệ Đài Loan với kích thước tiêu chuẩn 6000mm*200mm*8mm, đặc biệt sản xuất chiều dài theo yêu cầu của dự án; sản phẩm tấm trần thả với kích thước 600m*600m*8mm và 1200m*600m*8mm; cửa nhựa với kích thước tiêu chuẩn 750mm*1900mm và có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng. Sản phẩm tấm ốp trần, cửa nhựa và nẹp trang trí ngày càng được sử dụng nhiều trong cuộc sống nhờ những tính năng nổi trội như: dễ thi công, dễ vận chuyển, nhẹ và đàn hồi, dễ bảo trì, giá thành rẻ, chi phí lắp đặt thấp, màu sắc đa dạng và phong phú...

❖ Sản phẩm cửa uPVC có lõi thép gia cường (Smartwidow)



Từ năm 2003, Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam đã tiến hành nghiên cứu về sản phẩm cửa uPVC có lõi thép gia cường - sản phẩm được sử dụng rộng rãi tại các nước Châu Âu. Năm 2005, sản phẩm cửa uPVC có lõi thép gia cường của Nhựa Đông Á mang nhãn hiệu SmartWindows chính thức xâm nhập thị trường, và tới cuối năm 2008, sản phẩm đã chiếm 25% doanh thu của Công ty. Cấu tạo của cửa nhựa SmartWindows gồm các cấu kiện như sau: thanh Profile, kim khí phụ kiện, và vật tư phụ. Trong đó, thanh Profile (vật liệu tổng hợp uPVC kết hợp với chất phụ gia – chống lão hóa, chịu va đập, chống cháy...) là thành phần chủ yếu của cửa SmartWindows.

Các tính năng nổi bật của sản phẩm cửa uPVC là cách âm, cách nhiệt, không bị mối mọt, không cong vênh co ngót, chống lão hóa, chống cháy và có tính chịu va đập cao, không bị ôxi hóa, không bạc màu, thiết kế khoa học và thuận tiện trong quá trình thi công, dễ lau chùi và bảo quản, không phải tu dưỡng định kỳ, có độ bền cao, duy trì chất lượng sử dụng cao trong thời gian dài, đặc biệt góp phần thiết thực bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cho bản thân và cộng đồng.

❖ Sản phẩm thanh uPVC Profile



Trong những năm đầu, Công ty chưa thể trực tiếp sản xuất thanh Profile, do đó vẫn phải nhập khẩu ở một số nước như Đức và Trung Quốc. Sau gần 2 năm nhập khẩu thanh Profile và nghiên cứu, nắm bắt nhu cầu thị trường, năm 2007 Công ty đầu tư sản xuất và là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực sản xuất thanh Profile uPVC tại Việt Nam.

Sản phẩm Sea Profile là sản phẩm được sử dụng trong lĩnh vực chế tạo các loại cửa uPVC thay thế các loại gỗ với đặc tính cách âm, cách nhiệt, không bị mối mọt, không cong vênh co ngót biến dạng do tác động của môi trường, chống cháy, chống lão hóa, có tính chịu va đập cao, không bị ôxi hóa, không bạc màu, có độ bóng và độ bền cao dễ lau chùi bảo quản.

Đến năm 2012, công ty nhập khẩu 10 dây chuyền đùn Kraussmaffeï của Germany và hệ thống trộn của Plasmec Italia giúp tiết kiệm được thời gian, chi phí sản xuất và tạo ra sản phẩm bền đẹp làm nguyên liệu cho ngành cửa uPVC có lõi thép gia cường đáp ứng nhu cầu tiêu dùng chất lượng cao trên toàn quốc và đạt phù hợp tiêu chuẩn Châu Âu BSEN 12608 với nhãn hiệu SHIDE PROFILE, công xuất hàng chục nghìn tấn /năm. Sản phẩm có khả năng chống lão hóa dưới tác dụng của tia cực tím nên có thời gian sử dụng lâu hơn sản phẩm khác cùng loại trên thị trường cũng như sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc.

Hiện nay, công ty đã và đang đầu tư thêm nhà xưởng gần 20.000 m² với 30 dây chuyền hàng đầu của Châu Âu sản xuất thanh Profile nâng tổng công suất sản xuất thanh Profile lên 50.000 tấn/năm.

❖ **Sản phẩm tấm PP công nghiệp (Danpla)**



Sản phẩm tấm PP được sản xuất từ nguyên liệu ngoại nhập và các phụ gia được sản xuất theo công nghệ ép đùn tạo ra sản phẩm đạt chất lượng cao bao gồm tấm phẳng, màu sắc tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng. Sản phẩm có độ bền kéo rất tốt.

Sản phẩm được dùng làm vật liệu trong ngành xây dựng, trang trí nội thất, bao bì công nghiệp và các vật liệu quảng cáo. Với năng lực sản xuất hơn 2.000 tấn nhựa/ năm, Công ty Nhựa Đông Á luôn đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ của thị trường.

❖ **Sản phẩm bạt Hiflex**



Đầu 2009, Công ty bắt đầu triển khai dự án sản xuất Bạt Hiflex với công suất thiết kế khoảng 10 triệu m²/năm.

Sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu PVC kết hợp sợi tổng hợp. Đặc biệt kết hợp loại sợi tổng hợp chậm cháy, chống thấm.

Sản phẩm bột Hiflex của DAG được sản xuất bằng công nghệ hiện đại của Đức có thể kết hợp 3 công nghệ cán – tráng – ghép.

Sản phẩm này phục vụ cho ngành quảng cáo, ngành công nghiệp và dân dụng như mái hiên mái che không gian lớn cho các nhà ga hàng không, nhà xe, sân vận động, máy phao, thuyền... với đặc tính dẻo, dai có độ bền cao và có thể in trực tiếp lên bề mặt. Trước khi sản xuất, Công ty cũng tham gia kinh doanh thương mại bằng cách nhập khẩu từ Trung Quốc và là nhà phân phối lớn nhất phía Bắc.

❖ Tấm nhôm composite



Tấm lợp nhôm composite được Công ty đầu tư sản xuất trong năm 2011 với công nghệ tự động mới nhất của Đài Loan đạt độ đồng nhất cao về độ dày, thành phần nên có độ dẻo cao, chịu được lực uốn cong và căng kéo giúp thuận lợi cho thi công và thiết kế. Trong quá trình sản xuất, sản phẩm được bổ sung thành phần phụ gia chống cháy giúp công trình chống cháy và thích nghi với điều kiện khí hậu nắng nóng, bảo vệ tài sản, sức khỏe con người.

❖ Tấm mica (PS)

Sản phẩm tấm mica (PS) được sản xuất từ nguyên liệu ngoại nhập polystyren được sản xuất theo công nghệ ép đùn tạo ra sản phẩm đạt chất lượng cao bao gồm tấm phẳng được tạo vân hoặc màu sắc tùy theo yêu cầu sử dụng của khách hàng. Sản phẩm có khả năng chống lão hóa dưới tác dụng của tia cực tím nên có thời gian sử dụng lâu hơn sản phẩm khác cùng loại trên thị trường.

Sản phẩm được dùng làm vật liệu trong ngành trang trí nội thất và các vật liệu quảng cáo. Năng lực sản xuất của Công ty đạt hơn 1.500 tấn nhựa/ năm.



❖ Nhóm sản phẩm Khác



Nhóm sản phẩm thương mại chủ yếu do Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á thực hiện.

Với chiến lược phát triển kinh doanh theo chiều sâu, rộng, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm, đáp ứng nhu cầu trong nước ngày càng tăng và phục vụ cho xuất khẩu, ngoài các sản phẩm chủ lực, Công ty cũng chú trọng tới các sản phẩm thương mại; các sản phẩm vật liệu trang trí nội thất và xây dựng như tấm polycarbonate, tấm PMMA, tấm fomex, đèn can, giấy dán kính,...đây cũng là bước đi thử nghiệm, nghiên cứu sản phẩm làm nền tảng cho sản xuất sau này.

VII. Tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý kinh doanh

Tầm nhìn

- ❖ Phát triển DAG thành một Công ty sản xuất vật liệu xây dựng - trang trí nội thất hàng đầu Việt nam và hướng tới tập đoàn kinh tế đa ngành, đa nghề dựa trên nền tảng phát triển bền vững.

Sứ mệnh

- ❖ Phát triển bền vững, đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.
- ❖ Tạo môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, hiệu quả dưới mái nhà chung của DAG.
- ❖ Tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, uy tín và thân thiện với môi trường.

Giá trị cốt lõi

- ❖ Lấy khoa học kỹ thuật làm nền tảng.
- ❖ Lấy quản lý để mưu cầu hiệu quả.
- ❖ Lấy chất lượng để mưu cầu sinh tồn.
- ❖ Lấy uy tín để mưu cầu phát triển.

Cam kết

- ❖ **Đối với khách hàng:** Cung cấp những sản phẩm và dịch vụ về vật liệu phục vụ trong xây dựng cũng như các sản phẩm của Công ty đầu tư giúp khách hàng tối ưu hoá hiệu quả sử dụng.
- ❖ **Đối với cổ đông:** Là một tổ chức kinh tế hoạt động bền vững và hiệu quả mang tới cho cổ đông lợi ích cao, đều đặn và dài hạn.
- ❖ **Đối với cán bộ nhân viên:** Là ngôi nhà chung mang tới từng thành viên một cuộc sống sung túc, đầy đủ về kinh tế và tinh thần.
- **Đối với cộng đồng và xã hội:** Là tổ chức có trách nhiệm xã hội, tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, xã hội.

BÁO CÁO

HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT

I. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

1. Thành phần của HĐQT:

HĐQT Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Ủy viên HĐQT. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện tại, HĐQT Công ty có nhiệm kỳ là 05 năm với danh sách cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Trần Thị Lê Hải	Phó chủ tịch HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Tính	Thành viên HĐQT
4	Ông An Quang Hiếu	Thành viên HĐQT
5	Ông Ito Junichi	Thành viên HĐQT

2. Thành phần của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phan Việt Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Phạm Thị Thúy Hà	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Phạm Thế Hoàng	Thành viên Ban Kiểm soát

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2014

Với vai trò quản trị của mình, Hội đồng Quản trị đã hoạt động rất tích cực và thường xuyên trao đổi đưa ra các quyết sách hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, trong năm 2014, HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ và đột xuất 05 phiên để tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm của DAG; tiến hành cơ cấu lại Ban Tổng giám đốc điều hành, các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của mình trong các lĩnh vực quản lý chuyên biệt theo hướng đảm bảo tính tập trung. Các tiểu ban chuyên môn đã hoạt động tích cực trong năm qua và phát huy vai trò, giữ lịch sinh hoạt, báo cáo cho chủ tịch HĐQT, tham gia, tham mưu nhiều ý kiến mang lại hiệu quả thiết thực.

Hội đồng quản trị Công ty đã tập trung làm việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tập thể, cá nhân thành viên tuân thủ luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Pháp luật hiện hành. Bằng các hoạt động tích cực, Hội đồng quản trị đã kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động, xây dựng chiến lược và định hướng kinh doanh của năm, giữ ổn định sự phát triển của doanh nghiệp trong tình hình kinh tế biến động. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ công ty, các biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định. Tổng Giám đốc công ty do Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm nên việc triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông rất thuận lợi, đồng bộ, nhanh gọn và có hiệu quả. Đây là một trong ưu điểm giúp hoạt động quản trị công ty linh hoạt hơn, nhất quán hơn và triệt để hơn. Ngoài ra các thành viên độc lập không tham gia điều hành đã có nhiều ý kiến khách quan giúp HĐQT cân nhắc kỹ càng và ra quyết định chính xác.

Cụ thể trong năm, HĐQT đã tiến hành ban hành các nghị quyết, và nhiều quyết định hợp lý nhằm tăng cường hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, giám sát hoạt động đối với Ban Tổng Giám đốc và các quyết định liên quan đến phương án chi trả cổ tức, thông qua định hướng chiến lược kinh doanh năm 2014, thống nhất việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh quản lý chủ chốt của tập đoàn, thông qua thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, và thống nhất tất cả nội dung tài liệu đại hội.

Ngoài hoạt động chính của mình, Hội đồng Quản trị đã sát cánh cùng Ban Tổng Giám đốc kịp thời đưa ra các quyết sách linh hoạt để đảm bảo mục tiêu “Phát triển bền vững” cho DAG. Cứ định kỳ 2 tuần một lần, HĐQT đều có cuộc họp với Ban Tổng Giám đốc và các thành viên khác thuộc Ban lãnh đạo nhằm nắm bắt các khó khăn và đưa ra các chỉ đạo kịp thời. Nhờ có sự hỗ trợ và giám sát chặt chẽ đó nên các vấn đề lớn, quan trọng, các phát sinh nghiệp vụ phức tạp thuộc chức trách thẩm quyền của Ban Tổng giám đốc điều hành đều được HĐQT tham mưu đưa ra các giải pháp xử lý nhanh chóng, hiệu quả.

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty năm 2014

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHCĐ, do ĐHCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHCĐ bầu ra và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm.

Trong năm 2014, theo quy chế làm việc của Ban Kiểm soát, chúng tôi đã tiến hành một số công việc sau:

- Đánh giá quá trình hoạt động của Công ty về việc tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành
- Đánh giá sự tuân thủ trong quá trình hoạt động của Công ty về việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT
- Đánh giá sự tuân thủ của Ban lãnh đạo điều hành doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT
- Tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính, xem xét kiểm tra sổ sách kế toán và các tài liệu khác có liên quan

III. Thù lao và các khoản thu nhập khác của thành viên HĐQT và BKS Công ty

Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Tổng thù lao năm 2014 (VND)
1	Ông Nguyễn Bá Hùng	475,200,000
2	Bà Trần Thị Lê Hải	39,600,000
3	Bà Nguyễn Thị Tính	11,000,000

4	Ông Ito Junichi	11,000,000
5	Ông An Quang Hiếu	11,000,000

Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Tổng thù lao năm 2014 (VND)
1	Ông Phan Việt Hùng	14,080,000
2	Ông Phạm Thế Hoàng	10,560,000
3	Bà Phạm Thị Thúy Hà	10,560,000

IV. Đánh giá về tình hình hoạt động của công ty trong năm 2014

Năm 2014, Công ty CPTĐ Nhựa Đông Á “DAG” đã hoàn thành chỉ tiêu về kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ đề ra, theo đó doanh thu đạt 104% kế hoạch, lợi nhuận thuần sau thuế đạt 105% kế hoạch năm 2014. Đây cũng là năm thứ 2 Doanh thu của DAG vượt 1.000 tỷ, thể hiện sự tăng trưởng bền vững của DAG.

Trong điều kiện khó khăn về thị trường, việc vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng và vượt kế hoạch chứng tỏ định hướng ổn định kinh doanh của HĐQT đưa ra là đúng đắn. Ngoài ra, đây cũng là minh chứng về việc khẳng định thị phần của các sản phẩm DAG trên thị trường cạnh tranh khốc liệt năm 2014.

Năm 2014, Công ty CPTĐ Nhựa Đông Á “DAG” đã hoàn thành chỉ tiêu về kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ đề ra, theo đó doanh thu đạt 104% kế hoạch, lợi nhuận thuần sau thuế đạt 105% kế hoạch năm 2014. Đây cũng là năm thứ 2 Doanh thu của DAG vượt 1.000 tỷ, thể hiện sự tăng trưởng bền vững của DAG.

Trong điều kiện khó khăn về thị trường, việc vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng và vượt kế hoạch chứng tỏ định hướng ổn định kinh doanh của HĐQT đưa ra là đúng đắn. Ngoài ra, đây cũng là minh chứng về việc khẳng định thị phần của các sản phẩm DAG trên thị trường cạnh tranh khốc liệt năm 2014.

BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH

I. Tình hình thị trường năm 2014 và dự báo năm 2015

1. Tình hình thị trường năm 2014

❖ Thuận lợi:

- Tỷ giá USD ổn định, tỷ giá thanh toán thực tế và tỷ giá ngân hàng không chênh lệch nhiều góp phần tăng lợi nhuận của công ty.
- Trong 2 quý cuối năm giá xăng dầu giảm mạnh góp phần giảm chi phí vận chuyển bán hàng của công ty
- Đồng thời, lãi suất ngân hàng trong năm qua đã ổn định và giảm khá nhiều so với những năm trước, cùng với sự hợp tác của khách hàng trong việc thu hồi công nợ đã góp phần tạo nên sự hiệu quả trong hoạt động tài chính của công ty.
- Với lợi thế về mặt chất lượng sản phẩm cũng như giá thành ổn định, đồng thời được sự ủng hộ của khách hàng trong và ngoài công ty trong năm qua, công ty đã triển khai được khá nhiều sản phẩm mới cho nhiều khách hàng với số lượng đặt hàng mới cùng với sự duy trì của những mặt hàng đang sản xuất đã giữ cho sản lượng, doanh thu của công ty tăng so với năm 2013.
- Công tác xuất nhập khẩu được điều tiết khá tốt, hàng về đúng theo tiến độ sản xuất và lượng tồn kho phù hợp, đảm bảo nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Các nguồn lực về máy móc trang thiết bị và nhân sự của công ty đã được chuẩn bị rất tốt cho công tác sản xuất của công ty.
- Trong 2 quý cuối năm thị trường bất động sản đã có những tín hiệu khởi sắc góp phần thúc đẩy doanh thu từ các mặt hàng vật liệu xây dựng như: sea profile, shide-profile, cửa smartwindow, tấm nhôm composite.

❖ Khó khăn:

- Năm 2014, những tranh chấp liên quan đến biển Đông đã có những ảnh hưởng nhất định đến nền kinh tế Việt Nam. Việc lưu thông hàng hóa Việt Nam – Trung Quốc có nhiều thời điểm ngừng trệ dẫn đến hàng hóa giải phóng chậm.
- Do các cơ quan chức năng điều chỉnh nhiều chính sách nhằm kiểm soát việc vận chuyển quá tải dẫn đến các hãng tàu và đơn vị vận chuyển đều đồng loạt tăng giá trong năm qua.
- Năm 2014, trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu, nền kinh tế trong nước vẫn trong giai đoạn khó khăn, thị trường bất động sản vẫn còn trầm lắng; sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn trong tình trạng khó khăn; xử lý hàng tồn kho và nợ xấu, duy trì đời sống, việc làm cho người lao động tiếp tục là một thách thức lớn đối với doanh nghiệp. Đối với ngành sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng thì thị trường bất động sản trầm lắng kéo dài, các công trình bị giãn tiến độ thi công, dừng thi công làm ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất của công ty. Ban điều hành công ty đã áp dụng nhiều biện pháp, phương thức quản trị linh hoạt và lựa chọn chiến lược kinh doanh phù hợp nên đã giúp công ty phần nào vượt qua khó khăn.

2. Dự báo năm 2015 - Cơ hội cho xuất khẩu

Tại buổi tổng kết ngành nhựa năm 2014, ông Hồ Đức Lam, Chủ tịch Hiệp hội Nhựa VN (VPA), cho biết dù kim ngạch xuất khẩu ngành nhựa đạt được 2,05 tỷ USD trong năm 2014,

tăng 15,8% so với cùng kỳ 2013, tuy nhiên ngành nhựa tiếp tục đối mặt với rất nhiều khó khăn, đặc biệt ở thị trường EU.

Giá dầu thô liên tục giảm mạnh trong thời gian qua đã kéo theo giá nguồn nguyên liệu nhựa PP, LDPE, LLDPE, HDPE... giảm mạnh. Nhiều DN cho biết giá nguyên liệu giảm sẽ tạo thuận lợi để các DN có thể hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường thế giới. Với những diễn biến thuận lợi về giá nguyên liệu năm 2015, DN có thể mở rộng thị phần xuất khẩu sang Đức, Hà Lan, Bỉ, Ý, Pháp, Malaysia, Indonesia... Đây là những nước đánh giá rất cao về chất lượng sản phẩm nhựa của Việt Nam.

Bên cạnh đó, VPA đang kiến nghị Chính phủ cho phép hạ thuế suất xuất khẩu từ 2% xuống còn 1%. Nếu kiến nghị này được thông qua, cộng với việc Việt Nam gia nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN sẽ tạo cơ hội lớn cho DN Việt Nam tăng kim ngạch xuất khẩu.

Tại thị trường nội địa, mức tiêu thụ nhựa bình quân trên đầu người tại Việt Nam cũng tăng nhanh qua các năm, nếu như năm 2008 đã đạt 22kg/người/năm; năm 2010 là 30kg/người/năm thì hiện nay con số này đạt trên 35kg/người/năm. Theo dự báo của các chuyên gia ngành nhựa, mức tiêu thụ người dân sẽ tăng lên 45kg vào năm 2020.

3. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014

Chỉ tiêu/	2014 (Tỷ đồng)	Kế hoạch (Tỷ đồng)	Tỉ lệ (%)
Doanh thu thuần	1.109	1.064	104
Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á	164	154	107
Công ty TNHH Nhựa Đông Á (NDA)	669	688	97
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam (SMW)	233	172	135
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á (DAS)	43	50	86
Lợi nhuận sau thuế	29	28	105

✓ Về tăng trưởng

Chỉ tiêu	2014 (Tỷ đồng)	2013 (Tỷ đồng)	Tỉ lệ (%)
Tổng tài sản	794	695	114
Doanh thu thuần hợp nhất	1.109	1.000	111
Lợi nhuận trước thuế	32	30	107
Lợi nhuận sau thuế	29	26	110
Tổng vốn chủ sở hữu	189	177	107

✓ So với kế hoạch năm 2014

Chỉ tiêu	Đạt được (Tỷ đồng)	Kế hoạch (Tỷ đồng)	Tỉ lệ (%)
Doanh thu thuần hợp nhất	1.109	1.064	104%
Lợi nhuận sau thuế	29	28	103%

✓ Khả năng sinh lời

Chỉ tiêu	2014	2013
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần	2,7%	2,7%
Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA)	3,7 tỷ	3,9%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	15,6%	15%

✓ **Khả năng thanh toán:**

Chỉ tiêu	2014	2013
Khả năng thanh toán hiện hành	112%	98,1%
Khả năng thanh toán nhanh	36%	39%

✓ **Giá trị sổ sách:**

Chỉ tiêu/	2014 VND/cổ phiếu	2013 VND/cổ phiếu
Giá trị sổ sách	13.791	13.750

Trong điều kiện khó khăn, việc vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ở mức cao và vượt kế hoạch chứng tỏ định hướng ổn định kinh doanh của HĐQT đưa ra là đúng đắn. Ngoài ra, đây cũng là minh chứng về việc khẳng định thị phần của các sản phẩm DAG trên thị trường cạnh tranh khốc liệt trong năm 2014.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015

1. Mục tiêu cụ thể về kế hoạch doanh thu/lợi nhuận năm 2015

Dựa trên thành tựu đạt được và tốc độ tăng trưởng trong những năm qua Ban Tổng giám đốc toàn thể cán bộ công nhân viên quyết tâm thực hiện mục tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2014 trước Hội đồng quản trị như sau:

- ❖ Doanh thu : 1.137,684 tỷ đồng
- ❖ Lợi nhuận sau thuế : **34,160 tỷ đồng**
- ❖ Tỷ lệ chi trả cổ tức : **80% lợi nhuận sau thuế.**

➤ Doanh thu: **1.137 tỷ đồng**, trong đó:

Đơn vị	Doanh thu
Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á	174 tỷ đồng
Công ty TNHH Nhựa Đông Á (NDA)	701 tỷ đồng
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam (SMW)	222 tỷ đồng
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á (DAS)	40 tỷ đồng
Tổng doanh thu	1.137 tỷ đồng

➤ Lợi nhuận sau thuế: **34,1 tỷ đồng.**

2. Về mục tiêu chung

Mặc dù Chính phủ, cũng như giới chuyên gia đã có những góc nhìn tích cực từ đầu năm đối với sự tăng trưởng, tiềm năng của kinh tế Việt Nam và thực tế đã có những dấu hiệu phục hồi rõ nét hơn để bước vào một chu kỳ tăng trưởng mới. Tuy nhiên, theo đánh giá của DAG, năm 2015 tiếp tục sẽ là một năm có rất nhiều khó khăn và còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất lợi tác động đến kinh tế trong nước nói chung và các doanh nghiệp – trong đó có DAG nói riêng.

a. Về chiến lược chung

- ❖ Quyết tâm thực hiện các biện pháp cải cách trong điều hành, quản lý sản xuất – kinh doanh và sử dụng nguồn lực nội tại thực hiện kế hoạch, chỉ tiêu về doanh thu để đạt 1.137 tỷ đồng mà Hội đồng quản trị Tập đoàn đặt ra;
- ❖ Triển khai thực hiện tăng vốn theo kế hoạch phát triển, tăng 52,5 tỷ đồng bao gồm cả 5% cổ tức năm 2013 chi trả cổ phiếu nâng Tổng vốn điều lệ của DAG lên 190 tỷ đồng.

- ❖ Duy trì ổn định sản xuất; triển khai các chương trình, cải tiến hệ thống quản lý, hoạt động sản xuất, tiết kiệm chi phí, tăng sản lượng, giảm lãng phí trong sản xuất; khắc phục những tồn tại – yếu kém trong tác nghiệp tại các Phòng/ Ban, đơn vị;
- ❖ Tiếp tục cải tiến và ổn định cơ cấu tổ chức; tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề và kỹ năng của đội ngũ nhân sự của DAG.
- ❖ Tăng cường công tác, hoạt động Marketing, triển khai các công cụ Marketing/ PR hiệu quả nhằm làm tốt công tác nhận diện thương hiệu DAG và hỗ trợ kinh doanh tốt cho các nhãn hiệu sản phẩm của các Công ty thành viên. Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm Nhựa Đông Á - DAG và đồng bộ hóa hệ thống dịch vụ - chăm sóc khách hàng.
- ❖ Tăng cường việc mở rộng, phát triển hơn nữa mạng lưới tiêu thụ sản phẩm của DAG theo chiến lược phủ dày, phủ đầy tại các tỉnh thành khác trên cả nước.
- ❖ Hoạt động xuất khẩu vào các thị trường mục tiêu các sản phẩm chủ lực như bạt Hiflex, thanh nhựa profile, tấm PP công nghiệp, gioăng, nhôm composite, tấm Mica
- ❖ Cải tiến và làm tốt công tác lập kế hoạch triển khai kinh doanh, cung ứng vật tư, sản xuất, tài chính, nhân sự,....
- ❖ Tiếp tục xây dựng, cải tiến các chính sách phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp với chủ trương của DAG theo phương châm “Đoàn kết – Sáng tạo – Duy trì - Phát triển” và hướng tới chia sẻ hiệu quả sản xuất – kinh doanh với Cán bộ, công nhân viên. Nhằm gia tăng các chính sách chăm lo thiết thực đến đời sống vật chất, tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân viên.

3. Về biện pháp cụ thể

Đối với công ty Smartwindow Việt Nam

- ❖ Tiếp tục duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ Smartwindow và Smartdoor trở thành nhãn hiệu top đầu trong ngành cửa nhựa lõi thép và cửa nhựa hợp kim nhôm tại Việt Nam. Tăng cường quan hệ khả năng tiếp cận đối với dự án trọng điểm của chủ đầu tư và các nhà thầu.
- ❖ Triển khai thực hiện thường xuyên hoạt động đào tạo nhân sự; đào tạo đa năng kiến thức, tay nghề, kỹ năng cho đội ngũ công nhân sản xuất và lắp đặt.

Đối với công ty Nhựa Đông Á (NDA)

- ❖ Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, ổn định đội ngũ nhân sự quản lý; mở rộng các kênh tìm kiếm, tuyển dụng nhân sự tại Nhà máy Hà Nam gồm cả Nhân sự quản lý cấp trung cũng như công nhân sản xuất.
- ❖ Nâng cao năng lực của bộ phận công nghệ; bộ phận nghiên cứu – phát triển; bộ phận thí nghiệm để hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất, cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng nguyên vật liệu đầu vào.
- ❖ Tăng cường công tác duy tu, sửa chữa, vận hành hệ thống máy móc tốt tại Nhà máy.
- ❖ Đồng bộ hóa Hệ thống quản lý của các Công ty, nhà máy thành viên để đảm bảo tính kế thừa, thống nhất và xuyên suốt trong toàn Tập đoàn.
- ❖ Tăng cường mở rộng, phát triển các đại lý mới, đặc biệt đối với sản phẩm Nhôm composite, Mica, thanh nhựa Profile cũng như các sản phẩm khác và hướng các chính sách kích cầu, ưu đãi nhanh chóng đến các đại lý, khách hàng trong toàn hệ thống.

- ❖ Kịp thời đưa ra chính sách, giá kinh doanh linh hoạt, phù hợp với tình hình kinh tế thị trường.

Đối với công ty Nhựa Đông Á Sài Gòn (DAS)

- ❖ Thực hiện chiến lược kinh doanh “DAG cung cấp các sản phẩm vật tư cửa (thanh Profile, kim khí phụ kiện,...) cho các đơn vị sản xuất, đơn vị thực hiện dự án để họ trực tiếp thực hiện sản xuất cửa” và DAG có thể chuyển giao công nghệ và nhượng quyền thương mại các nhãn hiệu sản phẩm Smartwindows, Smartdoor.
- ❖ Mở rộng, phát triển hơn nữa mạng lưới phân phối trên toàn các tỉnh phía Nam nhằm nâng cao năng lực kinh doanh thương mại các sản phẩm do Công ty sản xuất và các sản phẩm thương mại khác.
- ❖ Tăng cường quảng bá hình ảnh, có chính sách kích cầu mạnh hơn (chính sách hậu mãi, tăng tỷ lệ chiết khấu, ưu đãi) để hỗ trợ cho hoạt động bán hàng của đội ngũ Kinh doanh.
- ❖ Thường xuyên đào tạo Cán bộ, công nhân viên, nâng cao tay nghề, trình độ, thực hiện đúng, chính xác, kịp thời quy trình của cả tập đoàn đã ban hành, nâng cao ý thức văn hoá doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Tập đoàn Nhựa Đông Á trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2014 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch
Bà Trần Thị Lê Hải	Phó Chủ tịch
Ông An Quang Hiếu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tính	Thành viên
Ông Ito Junichi	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Bá Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 27/2/2014)
Ông Trần Xuân Nam	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18/12/2014)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản

của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á



Nguyễn Bá Hùng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi : Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 03 tháng 02 năm 2015 từ trang 07 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính tích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng

ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á giữ 05 bản. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Ngọc Toàn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Đặng Thị Thu Huyền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1410-2013-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B01 - DN/HN

Đơn vị tính:

VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	V.1.	596.155.556.462	507.526.754.472
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.598.230.684	15.301.958.353
1	Tiền	111		5.598.230.684	15.301.958.353
2	Các khoản tương đương tiền	112			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157.878.474.746	154.975.783.083
1	Phải thu của khách hàng	131		124.075.092.109	106.804.451.402
2	Trả trước cho người bán	132		32.466.294.049	46.626.149.373
5	Các khoản phải thu khác	135	V.2.	4.092.829.357	4.168.920.635
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.755.740.769)	(2.623.738.327)
IV	Hàng tồn kho	140		401.443.907.259	333.603.836.119
1	Hàng tồn kho	141	V.3.	401.443.907.259	333.603.836.119
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		31.234.943.773	3.645.176.917
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		433.494	1.592.274.910
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	422.224.016	268.056.546
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		30.812.286.263	1.784.845.461
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		198.304.662.678	187.562.248.458
I	Các khoản phải thu dài hạn	210			
4	Phải thu dài hạn khác	218		-	
II	Tài sản cố định	220		180.995.067.915	169.919.776.125
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	116.995.380.605	130.572.614.096
-	Nguyên giá	222		201.748.937.821	201.884.179.521
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84.753.557.216)	(71.311.565.425)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.6.	22.620.760.512	22.057.860.448
-	Nguyên giá	225		31.997.227.651	27.544.066.051
-	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.376.467.139)	(5.486.205.603)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.7.		
-	Nguyên giá	228		387.972.800	387.972.800
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(387.972.800)	(387.972.800)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	41.378.926.798	17.289.301.581
III	Bất động sản đầu tư	240	V.9.	3.216.476.856	3.216.476.856
-	Nguyên giá	241		5.214.306.300	3.421.783.900
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(293.659.648)	(205.307.044)
V	Tài sản dài hạn khác	260		12.388.948.111	14.425.995.477
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	11.644.138.725	13.749.886.689
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			26.700.788
3.	Tài sản dài hạn khác	268		744.809.386	649.408.000
VI	Lợi thế thương mại	269			

TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270	794.460.219.140	695.089.002.930
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A NỢ PHẢI TRẢ	300		604.834.706.561	517.449.072.462
I Nợ ngắn hạn	310		534.211.232.460	434.570.951.147
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	310.262.645.148	283.633.438.854
2 Phải trả người bán	312		135.926.624.609	54.911.823.335
3 Người mua trả tiền trước	313		47.888.809.920	61.166.610.422
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	7.400.406.759	6.656.971.485
5 Phải trả người lao động	315		1.569.920.150	2.041.394.801
6 Chi phí phải trả	316	V.13.	2.748.598.122	2.479.039.331
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.	27.463.457.331	20.534.695.712
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		950.770.421	146.977.207
II Nợ dài hạn	330		70.623.474.101	82.878.121.318
3 Phải trả dài hạn khác	333		105.000.000	105.000.000
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.15.	70.407.123.829	82.707.225.591
8 Doanh thu chưa thực hiện	338	V.17.	111.350.272	65.895.727
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		189.625.512.579	177.639.930.465
I Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	189.625.512.579	177.639.930.465
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		137.500.000.000	137.500.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		4.050.000.000	4.050.000.000
4 Cổ phiếu quỹ	414			(210.000)
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		6.721.537.760	4.640.253.294
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		6.610.453.663	4.529.169.197
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.160.836.658	2.944.140.883
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		30.582.613.998	23.976.577.091
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		794.460.219.140	695.089.002.930

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Phí Thị Thúy Hà

Trưởng phòng TCKT

Trần Xuân Thúy

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Mẫu số B02-DN/HN)

Đơn vị tính :

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19.	1.109.442.098.378	1.003.464.621.444
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.20.	1.477.092.891 1.107.96	2.488.197.246
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.21.	5.005.487	1.000.976.424.198
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.22.	1.015.993.691.487	905.804.958.543
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		91.971.314.000	95.171.465.656
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23.	210.536.560	44.569.342
7 Chi phí tài chính	22	VI.24.	31.397.916.775	34.045.570.939
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.047.331.132	33.380.520.849
8 Chi phí bán hàng	24		10.870.822.894	14.213.799.232
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.628.087.751	17.025.165.051
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.285.023.140	29.931.499.775
11 Thu nhập khác	31		2.286.789.189	3.812.615.051
12 Chi phí khác	32		801.627.642	3.234.419.225
13 Lợi nhuận khác	40		1.485.161.547	578.195.826
14 Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.770.184.687	30.509.695.601
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.178.405.115	3.671.677.722
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		26.700.788	73.485.582
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		29.565.078.784	26.764.532.296
18.				
1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61			
18.				
2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		29.565.078.784	26.764.532.296
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21	2.150	1.947

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Trưởng phòng TCKT

Tổng Giám đốc



Phí Thị Thúy Hà

Trần Xuân Thúy

Nguyễn Bá Hùng




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**Mẫu số B03 - DN/HN**Đơn vị tính: VND*


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.259.418.686.703	1.119.150.300.521
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.156.064.197.367)	(1.142.993.587.157)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.812.372.488)	(18.450.275.774)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(21.873.666.951)	(33.380.430.255)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(6.192.757.510)	(5.299.528.858)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		428.172.323.988	147.599.381.835
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(481.240.766.060)	(90.051.555.629)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.407.250.315)	(23.425.695.317)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.317.641.961)	(40.490.130.781)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		140.028.145	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.475.404	44.100.060
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.157.138.412)	(40.446.030.721)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		661.750.482.556	648.615.557.712
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(647.199.683.759)	(590.704.464.537)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			(2.337.122.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.504.646.738)	(11.689.632.474)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.953.847.941)	43.884.338.701
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(9.703.736.038)	(19.987.387.337)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1.	15.301.958.353	35.289.510.012

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8.369	(164.323)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1.	5.598.230.684	35.289.510.012

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập	Trưởng phòng TCKT	Tổng Giám đốc
		
Phí Thị Thúy Hà	Trần Xuân Thúy	Nguyễn Bá Hùng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV -ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV -ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã có 06 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 08 tháng 05 năm 2013 thì vốn điều lệ của Công ty là: 137.500.0000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi bảy tỷ, năm trăm triệu đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các thiết bị ngành nhựa, ngành điện công nghiệp và dân dụng, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác muối; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng aranium và quặng thorium (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chỉ gồm có: Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê đất, cho thuê mặt bằng (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật);
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Đầu tư, xây dựng nhà ở; Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);

- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

Tel: (84-4) 3.793.8686 Fax: (84-4) 3.793.8181

4. Danh sách các Công ty con được hợp nhất của Công ty:

- Số lượng công ty con: 03 công ty
- Số lượng công ty con được hợp nhất: 3 công ty

1	Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
2	Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
3	Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	Địa chỉ: Lô số 36 - Đường Tân Tạo - Khu Công nghiệp Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ 01/01/2014 đến 31/12/2014

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính

và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 tại thuyết minh số V.27

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát sinh công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp khi chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 31/12/2014. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ

giữa Công ty với Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định lại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.
Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.
- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

4.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03- Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	3 - 7,5
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán Effect.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính .

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình.

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
Phần mềm kế toán Effect	4

4.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là xe ô tô và máy móc thiết bị, được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng thuê mua với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease và Công ty CP Cho thuê tài chính NH Ngoại Thương, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 06 – Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với các tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, cụ thể số năm trích khấu hao đối với từng nhóm tài sản như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6

4.4 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư và khấu hao

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất, lô đất có diện tích 960m² tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi với nguyên giá là 3.421.783.900 VND và Lô đất 480m² theo QĐ số 4110/QĐ-STC-19/09 do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng .

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Quyền sử dụng đất có thời hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng đối với hợp đồng thuê mặt bằng, trích trước chi phí phải trả tiền thuê nhà, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn – Hà Nam. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào thời gian sử dụng và hợp đồng quy định.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm nhựa truyền thống (như tấm trần, các loại phào, nẹp, tấm cửa và khung bao), sản phẩm nhựa UPVC; doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt, Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán vật tư, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều

kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

12. Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên.

12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của đơn vị gồm chi phí xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Ngọc Hồi, hệ thống máy móc tại Hà Nam, nâng cấp hệ thống nhà xưởng và các dự

án khác đang trong quá trình xây dựng được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT).

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất là 10% đối với các vật tư, sản phẩm, hàng hóa từ nhựa và 0% đối với các mặt hàng xuất khẩu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22% trên lợi nhuận chịu thuế đối với phần thu nhập của hoạt động thuế.

Riêng Công ty TNHH Nhựa Đông Á được hưởng ưu đãi theo Giấy chứng nhận ưu đãi số 39/GCNUĐT ngày 30 tháng 03 năm 2006 và giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 06221000006 ngày 12 tháng 10 năm 2007 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp, cụ thể Công ty TNHH Nhựa Đông Á được hưởng thuế suất thuế TNDN là 15% trong thời hạn 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời hạn trên thuế suất thuế TNDN là 22%; miễn 03 năm và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2014 là năm thứ 8 Công ty TNHH Nhựa Đông Á hoạt động kinh doanh có lãi và giảm 50% trên thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15%. Riêng đối với doanh thu từ hoạt động thương mại, Công ty TNHH Nhựa Đông Á áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế theo quy định hiện hành.

Việc xác định thuế TNDN của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt tài quỹ	56.201.874	51.178.537
Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á	9.723.829	3.555.662
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	5.933.988	4.637.332
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	7.079.482	3.180.100
Công ty TNHH một thành viên Nhựa Đông Á	33.464.575	39.805.443
Tiền gửi ngân hàng	5.542.028.810	15.250.779.816
Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á	312.099.502	11.198.916.128
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	5.173.081.513	3.554.359.537
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	20.292.663	490.127.305
Công ty TNHH một thành viên Nhựa Đông Á	36.555.132	7.376.846
Tổng cộng	5.598.230.684	15.301.958.353

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
CT cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại thương Việt Nam	498.863.006	677.044.321
Các đối tượng khác	2.344.640.327	3.491.876.314
Tổng cộng	2.843.503.333	4.168.920.635

3. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	181.916.356.705	123.759.867.229
Công cụ, dụng cụ	5.038.991.514	1.867.870.978
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.305.162.029	13.809.949.073
Thành phẩm	36.107.795.055	10.210.226.807
Hàng hóa	163.074.742.055	183.955.062.457
Hàng gửi đi bán	859.575	859.575
Cộng giá gốc hàng tồn kho	401.443.907.259	333.603.839.119

4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế GTGT	7.970.526	63.336.824
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	11.239.066	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	395.373.970	176.745.341
Thuế xuất nhập khẩu	4.640.454	27.974.381
Thuế khác	3.000.000	
Cộng	422.224.016	268.056.546

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2014	93.508.714.331	89.661.877.732	17.329.379.987	1.384.207.471	201.884.179.521
Mua trong năm	-	-	-	130.378.000	130.378.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	395.824.054	522.280.456	-	-	918.104.510
Tăng khác	-	-	82.709.332	9.777.968	92.487.300
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.231.449.510)	-	(1.231.449.510)
Giảm khác (*)	-	-	(44.762.000)	-	(44.762.000)
Số dư ngày 31/12/2014	93.904.538.385	90.184.158.188	16.135.877.809	1.524.363.439	201.748.937.821
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2014	17.533.431.215	41.644.942.656	11.273.976.935	859.214.619	71.311.565.425
Khấu hao trong năm	4.037.943.558	8.833.693.583	1.618.140.010	269.257.365	14.759.034.516
Tăng khác	-	1.388.889	-	-	1.388.889
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(44.762.000)	(1.167.311.600)	-	(1.212.073.600)
Giảm khác (*)	-	(106.358.014)	-	-	(106.358.014)
Số dư ngày 31/12/2014	21.571.374.773	50.328.905.114	11.724.805.345	1.128.471.984	84.753.557.216
Giá trị còn lại					
Số dư ngày 01/01/2014	75.975.283.116	48.016.935.076	6.055.403.052	524.992.852	130.572.614.096
Tại ngày 31/12/2014	72.333.163.612	39.855.253.074	4.411.072.464	395.891.455	116.995.380.605

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 32.998.235.713 VND.

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Đơn vị tính: VND
		Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2014	27.544.066.051	27.544.066.051
Thuê tài chính tăng trong năm	4.449.423.600	4.449.423.600
Tăng khác	3.738.000	3.738.000
Số dư ngày 31/12/2014	31.997.227.651	31.997.227.651
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2014	5.486.205.603	5.486.205.603
Khấu hao trong năm	3.976.353.957	3.976.353.957
Giảm khác	(1.388.889)	(1.388.889)
Tăng khác	(84.703.532)	(84.703.532)
Số dư ngày 31/12/2014	9.376.467.139	9.376.467.139
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	22.057.860.448	22.057.860.448
Tại ngày 31/12/2014	22.620.760.512	22.620.760.512

7. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư trong ngày 01/01/2014	387.972.800	407.819.466
Mua trong kỳ	-	-
Số dư ngày 31/12/2014	387.972.800	387.972.800
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2014	387.972.800	407.819.466
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư ngày 31/12/2014	387.972.800	387.972.800
Giá trị còn lại		
Ngày 01/01/2014		
Ngày 31/12/2014		

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Mua sắm TSCĐ	1.677.860.140	1.677.860.140
Xây dựng cơ bản dở dang	39.701.066.658	15.611.441.441
Khu công nghiệp Ngọc Hồi – Dự án Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	1.525.701.853	1.792.522.400
Chi phí xây dựng văn phòng chi nhánh Hà Nam	-	776.946.383
Hệ thống máy móc Hà Nam	38.175.364.805	13.041.972.658
Tổng cộng	41.378.926.798	17.289.301.581

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	01/01/2014	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VNĐ	trong	31/12/2014
Nguyên giá	3.421.783.900	1.792.522.500				5.214.306.300
Quyền sử dụng đất	3.421.783.900	1.792.522.500				5.214.306.300
Giá trị hao mòn lũy kế	205.307.044	88.352.604				293.659.648
Quyền sử dụng đất	205.307.044	88.352.604				293.659.648
Giá trị còn lại	3.216.476.856					4.920.646.652
Quyền sử dụng đất	3.216.476.856					4.920.646.652

Giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2014 chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo Tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập định giá giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được một công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Quyền sử dụng đất có thời hạn	9.375.920.497	9.579.744.856
Công cụ dụng cụ	2.268.218.228	4.170.141.833
Cộng	11.644.138.725	13.749.886.689

11. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	310.262.645.148	283.633.438.854
Ngân hàng TMPC Quân đội - VND(1)	557.647.068	177.827.396.816
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VND(2)	234.889.898.288	63.280.425.696
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – VND(3)	9.897.950.843	9.977.838.666
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	32.547.777.676
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (4)	64.917.148.949	
Tổng cộng	310.262.645.148	283.633.438.854

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 159.13.004.369260.TD.DN ngày 14/5/2013, hạn mức 220.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị với tổng giá trị tài sản thế chấp là 303.749.000.000 đồng.
- Hợp đồng 162.13.004.320801.TD.DN ngày 14/5/2013 với ngân hàng TMCP Quân đội - CN Tây Hồ với hạn mức tối đa là 70.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cố định hoặc thả nổi được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ. Thời hạn 6 tháng kể từ

ngày giải ngân đầu tiên của khoản vay. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp giữa Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á, Công ty TNHH Nhựa Đông Á và Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam.

- Hợp đồng số 161.13.004.467484.TD.DN ngày 14/5/2013 với hạn mức tối đa là 125.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cố định hoặc thả nổi được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản vay. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp giữa Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á, Công ty TNHH Nhựa Đông Á và Công ty TNHH Smart window Việt Nam.
- (2) Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐTD/13113 ngày 05/8/2013 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng. Lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay tối đa 12 tháng, mục đích theo từng lần cấp tín dụng, tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị lắp đặt tại Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á địa chỉ Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50 tại địa chỉ lô 36 đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; và 02 dây truyền sản xuất thanh Profile của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được lắp đặt tại Công ty TNHH Nhựa Đông Á tại địa chỉ Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam theo Hợp đồng thế chấp số HKI-HĐTC/13114 ngày 02/08/2013.
- Hợp đồng tín dụng số HKI- HĐTD/14168 ngày 22/09/2014 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 220.000.000.000 VNĐ, lãi suất tại thời điểm giải ngân và thời hạn vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Mục đích là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản bảo đảm là 02 dây chuyền sản xuất thanh profile, hiệu JH (Jinhu) model SJZ65/132+ YF240A, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50, địa chỉ Lô 36, đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa lô đất số D2, khu đô thị Nam Thăng Long , phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội với tổng giá trị tài sản bảo đảm là 63.237.900.000 đồng.
- (3) Vay Ngân hàng Shinhanbank theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2013/069 ngày 26/6/2013, hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng, mục đích vay dùng để tài trợ vốn lưu động, mở và thanh toán L/C trả ngay và trả chậm, lãi suất là lãi suất cơ bản tiền Việt Nam đồng do ngân hàng Nhà nước quy định + 2% một năm, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho tại kho của Công ty TNHH Nhựa Đông Á, địa chỉ tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam. Vay Ngân hàng Shinhanbank theo Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2013/069 ngày 26/6/2013, hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng, mục đích vay dùng để tài trợ vốn lưu động, mở và thanh toán L/C trả ngay và trả chậm, lãi suất là lãi suất cơ bản tiền Việt Nam đồng do ngân hàng Nhà nước quy định + 2% một năm, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho tại kho của Công ty TNHH Nhựa Đông Á, địa chỉ tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam.
- (4) Vay Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng số 1103.2014/CMB/VPB-TDNĐA/01 ngày 11/03/2014 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với hạn mức tối đa là: 70.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng, mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung

vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; mở L/C nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất và phát hành các loại Bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu nhựa, Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp hàng hóa là hàng tồn kho luân chuyển; ký quỹ phát hành L/C với mức tiền tối thiểu bằng 5% giá trị của L/C.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	1.023.904.833	1.043.083.963
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	19.023.954	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	19.759.349	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.082.502.951	5.855.294.748
Thuế thu nhập cá nhân	663.134.347	1.156.514.762
Thuế khác	2.592.081.325	1.602.078.012
Tổng cộng	7.400.406.759	9.656.971.485

13. Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng tại KCN Châu Sơn - Hà Nam	1.250.912.080	1.120.720.048
Chi phí phải trả thuê văn phòng	1.376.100.000	1.261.400.000
Chi phí phải trả khác	121.586.042	96.919.283
Tổng cộng	2.748.598.122	2.479.039.331

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	117.638.144	1.233.351.578
Kinh phí công đoàn	353.421.955	292.177.432
Bảo hiểm xã hội, y tế	58.922.333	1.004.635.282
Bảo hiểm thất nghiệp	26.152.559	126.220.094
Phải trả, phải nộp khác	26.907.322.340	17.878.311.326
Ông Nguyễn Bá Hùng	11.000.000.000	6.126.320.750
Bà Trần Thị Lê Hải	1.000.000.000	758.440.534
Công ty TNHH TMDV Hùng Phát	8.364.820.750	4.864.895.750
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tam Sơn	3.286.250.000	1.911.250.000
Phải trả phải nộp khác	3.256.251.590	4.217.404.292
Tổng cộng	27.463.457.331	20.534.695.712

15. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	5.631.287.337	17.183.063.293
Ngân hàng TMCP Quân đội (1)	5.631.287.337	17.183.063.293
VND	5.631.287.337	8.808.328.321
USD	-	8.374.734.972

Nợ dài hạn (2)	11.275.836.492	12.024.162.298
Công ty CP cho thuê tài chính NH Ngoại thương	3.277.218.658	6.327.428.798
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	7.998.617.834	5.696.733.500
Trái phiếu phát hành	53.500.000.000	53.500.000.000
Công ty liên doanh Shide Việt Nam (3)	13.500.000.000	13.500.000.000
Japan South East Asia Growth Fund L.P. (4)	40.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	70.407.123.829	82.707.225.591

(1) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 271.12.004.369260.TD.DN ngày 05/10/2012, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, mục đích vay để thanh toán tiền mua 02 dây chuyền sản xuất thanh Profile và 01 máy trộn và mục đích khác nếu được ngân hàng chấp nhận trước thời điểm giải ngân khoản vay đó. Tài sản đảm bảo là 02 dây chuyền sản xuất thanh Profile theo hợp đồng số DAG-NW 12.02 ngày 21/9/2012, và 01 máy trộn theo Hợp đồng số DA-NW 12.01 ngày 26/7/2012 theo hợp đồng thế chấp số 272.12.004.369260.TC.DN
- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 102.13.004.467484.TD.DN ngày 4/6/2013 với Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Tây Hồ với số tiền cam kết tối đa bằng VND tương đương 60,417.00 EUR. Mục đích thanh toán tiền cho nhà cung cấp AMIS Maschinen-Vertriebs GmbH theo hợp đồng ngoại thương số NDA-AMIS12.01 ngày 15/10/2012 và phụ lục ngày 20/11/2012 về việc nhập khẩu 01 máy nghiền và cắt nhựa. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất thả nổi hoặc cố định thể hiện trên khế ước nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp giữa Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á, Công ty TNHH Nhựa Đông Á và Công ty TNHH Smart window Việt Nam. Lãi vay sẽ được tính bắt đầu từ ngày 25 của tháng dương lịch cuối cùng của kỳ tính lãi liền trước của khoản vay đó và kết thúc vào ngày 24 của 1 tháng dương lịch sau đó. Kỳ tính lãi đầu tiên của khoản vay bắt đầu vào ngày giải ngân khoản vay và kết thúc vào ngày 24 cùng tháng dương lịch.

(2) Vay thuê tài chính theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng Thuê tài chính giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 28/05/2010, tổng giá trị 157.872 USD, thời hạn thuê là 50 tháng, lãi suất cho thuê bằng lãi suất cơ bản do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 0,25%/tháng. Tài sản thuê tài chính là Dây chuyền sản xuất cửa hợp kim nhôm vách dựng đã được Công ty chuyển giao cho Công ty con là Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 33.10.03/CTTC tháng 12/2010. Tài sản thuê là các máy thu hồi và nghiền nhựa, máy băm nhựa, máy in phun, cầu trục dầm đơn, máy ép phun, máy trộn nguyên vật liệu nhựa, máy in bóng, vân tằm trần với tổng trị giá tài sản thuê là 2.191.916.000 VND, mục đích là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê là 48 tháng. Lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần. Thời điểm giải ngân và thời điểm điều chỉnh, lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cơ bản VND do Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính NHTMCPNTVN công bố cộng biên độ 0,25%/tháng.
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 13.11.03/CTTC ngày 25/10/2011. Tài sản thuê là máy phụ trợ sản xuất thanh profile đồng bộ và 7 khuôn mẫu profile đồng bộ, trị giá gốc tính cho thuê là

2.732.730.000 VNĐ. Mục đích là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thời hạn thuê trong vòng 48 tháng. Lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần. Lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VNĐ do Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính NHTMCPNTVN công bố tại thời điểm giải ngân đầu tiên và thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 0,3%/tháng.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 13.11.05/CTTC ngày 28/12/2011. Tài sản thuê là một dây chuyền sản xuất vật liệu tấm nhôm nhựa tổng hợp Composite, trị giá gốc tính cho thuê là 6.655.587.400 VNĐ. Mục đích là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thời hạn thuê trong vòng 60 tháng. Lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần. Lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VNĐ do Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính NHTMCPNTVN công bố tại thời điểm giải ngân đầu tiên và thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 0,3%/tháng.
- Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 2013-00128-000, số 2013-00129-000 và số 2014-00164-000 với Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê máy ép thanh nhựa, máy lạnh - tháp tản nhiệt-máy bơm, máy đùn thanh nhựa PVC profile với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất thuê từ lãi suất 9,54%/năm đến 10,5%/năm và có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 0,5% giá mua.
- (3) Theo hợp đồng mua bán trái phiếu chuyển đổi ngày 20/12/2012, lãi suất thấp hơn 3% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định và tối thiểu là 3%, thời gian chuyển đổi là 3 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu chuyển đổi.
- (4) Theo hợp đồng mua bán trái phiếu chuyển đổi ngày 18/12/2012, lãi suất thấp hơn 3% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định và tối thiểu là 3%, thời gian chuyển đổi là 3 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu chuyển đổi.

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	26.700.788
Tổng cộng	-	26.700.788

17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Công ty CP Xây dựng số 1 Hà Nội	65.895.727	65.895.727
Công ty Đầu tư và Xây dựng Dân dụng Hà Nội	45.454.545	
Cộng	111.350.272	65.895.727

18. Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	137.500.000.000	4.050.000.000	(210.000)	2.944.140.883	24.051.356.984	167.361.210.734
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	26.764.532.296	26.764.532.296
Chi cổ tức	-	-	-	-	(19.112.470.809)	(19.112.470.809)
Trích các quỹ	-	-	-	-	(4.964.203.260)	(4.964.203.260)
Giảm khác	-	-	-	-	(2.762.638.121)	(2.762.638.121)
Số dư tại ngày 31/12/2013	137.500.000.000	4.050.000.000	(210.000)	2.944.140.883	23.976.577.091	168.470.507.974
Tăng trong năm nay	-	-	210.000	-	-	210.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	29.565.078.784	29.565.078.784
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.749.979.000)	(13.749.979.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.216.695.775	(7.460.549.171)	(6.243.853.396)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.748.513.706)	(1.748.513.706)
Số dư tại ngày 31/12/2014	137.500.000.000	4.050.000.000	-	4.160.836.658	30.582.613.998	176.293.450.656
18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu					31/12/2014	01/01/2014
					VND	VND
Công ty TNHH thương mại Hùng Phát					34.999.250.000	34.999.250.000
Nguyễn Bá Hùng					44.074.250.000	44.074.250.000
Công ty Tam Sơn					13.750.000.000	13.750.000.000
Các cổ đông khác					44.676.500.000	44.676.500.000
Tổng cộng					137.500.000.000	137.500.000.000

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	137.500.000.000	137.500.000.000
Vốn góp đầu năm	137.500.000.000	137.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm		-
Vốn góp cuối năm	137.500.000.000	137.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	13.749.979.000	19.112.470.809

18.4 Cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.750.000	13.750.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	13.750.000	13.750.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.750.000</i>	<i>13.750.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	21
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>21</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.750.000	13.749.979
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.750.000</i>	<i>13.749.979</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

18.5 Các quỹ của công ty

	01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2014
Quỹ đầu tư phát triển	4.640.253.294	2.081.284.466	-	6.721.537.760
Quỹ dự phòng tài chính	4.529.169.197	2.081.284.466	-	6.610.453.663
Quỹ khác thuộc vốn sở hữu	2.944.140.883	1.216.695.775	-	4.160.836.658
Tổng cộng	12.113.563.374	5.379.264.707	-	17.492.828.081

Mục đích trích lập các quỹ tại Công ty:

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại Điều lệ của Công ty.

- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong kỳ từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

19. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán thành phẩm	668.757.640.347	516.241.860.381
Doanh thu cung cấp dịch vụ, lắp đặt	45.730.575.551	80.097.173.214
Doanh thu bán hàng hóa	390.515.956.876	407.125.587.850
Doanh thu khác	4.437.925.604	
Tổng cộng	1.109.442.098.378	1.003.464.621.444

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chiết khấu thương mại	1.333.580.127	2.004.821.134
Hàng bán trả lại	143.512.764	483.376.112
Cộng	1.477.092.891	2.488.197.246

21. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm	667.280.547.456	513.753.663.135
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ, lắp đặt	45.730.575.551	80.097.173.214
Doanh thu thuần bán hàng hóa	390.515.956.876	407.125.587.850
Doanh thu thuần khác	4.437.925.604	
Cộng	1.000.976.424.198	1.000.976.424.198

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn bán thành phẩm	597.081.669.586	445.686.356.696
Giá vốn cung cấp dịch vụ, lắp đặt	31.266.430.097	67.747.750.329
Giá vốn bán hàng hóa	383.993.772.695	392.370.851.517
Giá vốn của hoạt động khác	3.651.819.109	
Cộng	1.015.993.691.487	905.804.958.543

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi	20.475.404	44.100.060
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.294.476	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	183.766.680	469.282
Cộng	210.536.560	44.569.342

24. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	31.047.331.132	33.380.520.849
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	327.484.160
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	350.585.643	337.565.930
Tổng cộng	31.397.916.775	34.045.570.939

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.565.078.784	26.764.532.296
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	13.749.985	13.749.979
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.150	1.947

26. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính là sản xuất và mua bán các vật tư, thiết bị ngành nhựa, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Thi công công trình VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	425.495.527.122	496.765.135.805	209.117.018.323	(336.917.462.110)	794.460.219.140
Tổng tài sản hợp nhất	425.495.527.122	496.765.135.805	209.117.018.323	(336.917.462.110)	794.460.219.140
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	320.617.896.109	337.044.762.054	187.442.562.406	(240.270.514.008)	604.834.706.561
Tổng nợ phải trả hợp nhất	320.617.896.109	337.044.762.054	187.442.562.406	(240.270.514.008)	604.834.706.561

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2014

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Thi công công trình VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	298.647.558.545	348.739.731.664	278.985.051.762	(231.283.339.041)	695.089.002.930
Tổng tài sản hợp nhất	298.647.558.545	348.739.731.664	278.985.051.762	(231.283.339.041)	695.089.002.930
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	203.661.604.154	209.320.775.335	237.669.929.654	(133.203.236.678)	517.449.072.465
Tổng nợ phải trả hợp nhất	203.661.604.154	209.320.775.335	237.669.929.654	(133.203.236.678)	517.449.072.465

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Thi công công trình VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	690.174.736.076	207.947.471.439	276.711.707.639	(66.868.909.667)	1.107.965.005.487
Doanh thu hoạt động tài chính	26.283.761	23.428.480.497	1.773.136	(23.246.000.834)	210.536.560
Chi phí sản xuất kinh doanh	654.060.675.092	215.456.247.258	275.702.361.273	(68.328.764.716)	1.076.890.518.907
- Giá vốn hàng bán	620.082.661.357	202.913.352.639	259.973.390.309	(66.975.712.818)	1.015.993.691.487
- Chi phí tài chính	20.661.978.961	2.962.025.313	9.126.964.399	(1.353.051.898)	31.397.916.775
- Chi phí bán hàng	6.002.441.820	1.952.010.751	2.916.370.323	-	10.870.822.894
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.313.592.954	7.628.858.555	3.685.636.242	-	18.628.087.751
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	36.140.344.745	15.919.704.678	1.011.119.502	(21.786.145.785)	31.285.023.140
Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	1.180.104.600	2.171.422	302.885.525	-	1.485.161.547
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	37.320.449.345	15.921.876.100	1.314.005.027	(21.786.145.785)	32.770.184.687

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013

	Sản xuất VND	Thương mại VND	Thi công công trình VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	540.276.130.899	208.459.404.260	355.070.851.049	(102.829.962.009)	1.000.976.424.198
Doanh thu hoạt động tài chính	12.960.207	21.157.825.246	4.226.530	(21.130.442.641)	44.569.342
Chi phí sản xuất kinh doanh	509.937.369.046	212.257.955.886	351.724.130.842	(102.829.962.009)	971.089.493.764
- Giá vốn hàng bán	472.208.824.460	204.853.946.038	331.572.150.054	(102.829.962.009)	905.804.958.543
- Chi phí tài chính	24.275.053.269	804.476.449	8.966.041.221		34.045.570.939
- Chi phí bán hàng	6.113.320.073	2.212.152.278	5.888.326.881		14.213.799.232
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.340.171.244	4.387.381.121	5.297.612.686		17.025.165.051
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	30.351.722.060	17.359.273.620	3.350.946.737	(21.130.442.641)	29.931.499.775
Lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					
Lợi nhuận khác	325.217.403	(67.499.803)	320.478.226		578.195.826
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	30.676.939.463	17.291.773.817	3.671.424.963	(21.130.442.641)	30.509.695.601

27. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.11 và V.15, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ cộng với lãi lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh phần IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.598.230.684	15.301.958.353
Phải thu khách hàng và phải thu khác	125.412.180.697	108.349.633.710
Tổng cộng	131.010.411.381	123.651.592.063
Công cụ nợ tài chính		
Các khoản vay	380.669.768.977	366.340.664.445
Phải trả người bán và phải trả khác	163.495.081.940	75.551.519.047
Chi phí phải trả	2.748.598.122	2.479.039.331
Tổng cộng	546.913.449.039	444.371.222.823

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	37.217.016.147	42.145.732.281	41.574.243	41.039.853

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của Công ty vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoạt động tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính chi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được

trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	163.390.081.940	105.000.000	163.495.081.940
Chi phí phải trả	2.748.598.122	-	2.748.598.122
Các khoản vay	310.262.645.148	70.407.123.829	380.669.768.977
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	75.446.519.047	105.000.000	75.551.519.047
Chi phí phải trả	2.479.039.331	-	2.479.039.331
Các khoản vay	283.633.438.854	82.707.225.591	366.340.664.445

Ban lãnh đạo Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban lãnh đạo tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi suất từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.598.230.684		5.598.230.684
Phải thu khách hàng và phải thu khác	125.412.180.697		125.412.180.697
01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.301.958.353		15.301.958.353
Phải thu khách hàng và phải thu khác	108.349.633.710		108.349.633.710

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản vay tại thời điểm kết thúc năm tài chính	221.694.265	28.993.757

VIII. Những thông tin khác

1. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 09/01/2015, Công ty đã có quyết định bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng Tài chính kế toán đối với bà Trần Xuân Thúy và bãi nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với bà Phan

Thị Lựa. Do có sự thay đổi nhân sự nêu trên nên Báo cáo Tài chính này chức danh Trưởng phòng Tài chính kế toán được ký duyệt bởi bà Trần Xuân Thúy

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, ngoài sự kiện nêu trên, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo Tài chính cho năm tài chính 2014.

2. Thông tin về các bên liên quan

3.1 Giao dịch với các bên liên quan

Quan hệ với Công ty	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND	
Bán hàng			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	240.588.673.053	140.905.546.148
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	Cổ đông chiến lược		3.483.626.365
Mua hàng			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	22.111.865.666	27.329.985.624
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	278.737.456.100	272.354.890.596

3.1 Số dư với các bên liên quan

Quan hệ với Công ty	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND	
Các khoản phải thu			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	2.250.687.022	28.377.859.494
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	-	18.904.008.699
Các khoản phải trả			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	19.431.335.377	13.709.958.058
Công ty TNHH TM và SX Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	31.401.138.789	1.911.250.000
Ông Nguyễn Bá Hùng	Cổ đông sáng lập, chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	11.000.000.000	6.126.320.750
Bà Trần Thị Lê Hải	Phó Tổng giám đốc	1.000.000.000	

3.1 Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương	695.916.003	999.413.046
Tổng cộng	695.916.003	958.208.955

3. Những thông tin khác

3.1 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Trưởng phòng TCKT



Phí Thị Thúy Hà

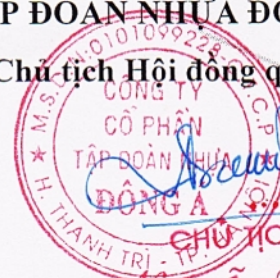
Trần Xuân Thúy

Nguyễn Bá Hùng

Hà Nội, Ngày 31 tháng 03 năm 2015

**Thay mặt và đại diện cho
CTY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Chủ tịch Hội đồng quản trị



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Bá Hùng